

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Digitally signed by CÔNG TY
CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN
BÌNH
DN: C=VN, L=TPHCM, CN=
CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN
HÓA TÂN BÌNH,
OID.0.9.2342.19200300.100.
1.1=MST:0301420079
Reason: I am the author of
this document
Location:
Date: 2025.08.28
15:33:51
+07'00'
Foxit PDF Reader Version:
12.1.3

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025
(đã được soát xét)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04-05
Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét	06-40
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	06-08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	10-11
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	12-40

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình là Công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Nghị định số 28/CP ngày 07 tháng 05 năm 1996 của Chính phủ về chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần và Quyết định số 3336/QĐ-UB-KT ngày 26 tháng 06 năm 1998 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố giá trị doanh nghiệp của Công ty Văn hóa Dịch vụ Tổng hợp Tân Bình và chuyển thành Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 0301420079 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 08 năm 1998, đăng ký thay đổi lần thứ 38 ngày 08 tháng 09 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông La Thế Nhân	Chủ tịch
Bà Lại Thị Hồng Diệp	Phó chủ tịch
Ông Hoàng Văn Điều	Thành viên
Ông Hoàng Minh Anh Tú	Thành viên
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Thành viên
Ông Trịnh Xuân Quang	Thành viên
Ông Đoàn Thanh Hải	Thành viên
Ông Nguyễn Anh Thuận	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Minh Anh Tú	Tổng Giám đốc điều hành
-----------------------	-------------------------

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Danh	Trưởng ban
Bà Thái Thị Phụng	Thành viên
Bà Quách Thị Mai Trang	Thành viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến khi lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này là Ông Hoàng Minh Anh Tú - Tổng Giám đốc điều hành.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nếu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính Phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Hoàng Minh Anh Tú

Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 08 năm 2025

Số: 280825.006/BCTC.KT2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình được lập ngày 28 tháng 08 năm 2025, từ trang 06 đến trang 40, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biển

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2023-002-1

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2025	01/01/2025
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		103.757.590.889	120.350.372.394
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	5.761.649.912	3.660.347.098
111	1. Tiền		3.761.649.912	1.660.347.098
112	2. Các khoản tương đương tiền		2.000.000.000	2.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	45.599.172.878	44.956.710.506
121	1. Chứng khoán kinh doanh		725.549.276	725.549.276
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(88.967.776)	(81.014.775)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		44.962.591.378	44.312.176.005
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		50.972.020.757	67.130.406.788
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	28.621.133.069	45.637.127.551
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	14.941.812.047	11.621.786.387
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	7.050.000.000	9.960.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	580.371.986	132.789.195
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(221.296.345)	(221.296.345)
140	IV. Hàng tồn kho	10	1.418.520.724	4.570.512.851
141	1. Hàng tồn kho		1.418.520.724	4.570.512.851
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		6.226.618	32.395.151
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	15	8.098.787	32.395.151
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		(1.872.169)	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		111.178.829.683	112.724.543.699
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		24.201.000.000	24.701.000.000
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	7	24.200.000.000	24.700.000.000
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	1.000.000	1.000.000
220	II. Tài sản cố định		14.682.175.960	15.700.184.631
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	11.096.696.617	12.001.900.080
222	- Nguyên giá		46.077.869.498	46.457.469.498
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(34.981.172.881)	(34.455.569.418)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	3.585.479.343	3.698.284.551
228	- Nguyên giá		7.072.637.997	7.072.637.997
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.487.158.654)	(3.374.353.446)
230	III. Bất động sản đầu tư	14	30.120.623.042	30.483.293.954
231	- Nguyên giá		57.552.819.888	57.552.819.888
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(27.432.196.846)	(27.069.525.934)

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2025	01/01/2025
			VND	VND
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	11	2.169.918.677	2.134.981.677
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		2.169.918.677	2.134.981.677
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	39.823.256.442	39.412.496.507
251	1. Đầu tư vào công ty con		45.000.000.000	45.000.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		7.520.000.000	7.520.000.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		159.699.200	159.699.200
254	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(12.856.442.758)	(13.267.202.693)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		181.855.562	292.586.930
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	181.855.562	292.586.930
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		<u>214.936.420.572</u>	<u>233.074.916.093</u>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2025	01/01/2025
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		15.644.681.369	34.031.008.389
310	I. Nợ ngắn hạn		15.644.681.369	34.031.008.389
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	3.394.763.585	11.320.510.280
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		320.302.120	33.616.000
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	59.898.984	483.703.233
314	4. Phải trả người lao động		856.736.981	1.451.787.864
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	18	8.856.527.470	15.566.818.783
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	1.456.083.454	4.474.203.454
322	7. Quỹ khen thưởng phúc lợi		700.368.775	700.368.775
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		199.291.739.203	199.043.907.704
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	199.291.739.203	199.043.907.704
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		61.725.230.000	61.725.230.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		61.725.230.000	61.725.230.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		137.662.054.443	137.662.054.443
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		2.140.945.047	2.140.945.047
415	4. Cổ phiếu quỹ		(11.666.581.607)	(11.666.581.607)
418	5. Quỹ đầu tư phát triển		2.243.857.861	2.243.857.861
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		7.186.233.459	6.938.401.960
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		6.938.401.960	5.805.928.402
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		247.831.499	1.132.473.558
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		214.936.420.572	233.074.916.093

Nguyễn Thị Ngọc Duyên
 Người lập

Nguyễn Thị Ngọc Duyên
 Kế toán trưởng

Hoàng Minh Anh Tú
 Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 08 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	49.408.922.618	75.418.739.445
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23	-	74.250.000
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		49.408.922.618	75.344.489.445
11	4. Giá vốn hàng bán	24	43.820.794.091	68.234.923.940
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		5.588.128.527	7.109.565.505
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	2.042.960.021	4.317.051.983
22	7. Chi phí tài chính	26	(245.595.592)	5.921.518.705
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		75.989.335	32.220.665
25	8. Chi phí bán hàng	27	806.298.074	829.320.491
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	6.778.192.276	6.350.109.537
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		292.193.790	(1.674.331.245)
31	11. Thu nhập khác	29	10.527.704	79.984.159
32	12. Chi phí khác	30	54.889.995	10.539.920
40	13. Lợi nhuận khác		(44.362.291)	69.444.239
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		247.831.499	(1.604.887.006)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31	-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		247.831.499	(1.604.887.006)

Nguyễn Thị Ngọc Duyên
Người lập

Nguyễn Thị Ngọc Duyên
Kế toán trưởng

Hoàng Minh Anh Tú
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 08 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		247.831.499	(1.604.887.006)
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		2.556.857.357	2.299.644.883
03	- Các khoản dự phòng		(402.806.934)	5.832.690.491
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.994.374.159)	(3.735.986.464)
06	- Chi phí lãi vay		75.989.335	32.220.665
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		483.497.098	2.823.682.569
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		13.701.458.200	(24.437.797.048)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		3.151.992.127	(2.754.298.792)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(15.206.569.030)	15.462.769.364
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		135.027.732	111.017.980
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		-	(109.500.000)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(75.989.335)	(32.220.665)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(161.637.990)	(814.130.355)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		2.027.778.802	(9.750.476.947)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(1.283.337.000)	(1.537.901.313)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		23.636.364	2.152.240.481
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(6.350.415.373)	(27.989.626.205)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		9.110.000.000	38.633.325.438
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.591.760.021	3.347.924.621
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		3.091.644.012	14.605.963.022

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2025	2024
			VND	VND
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		3.157.523.380	-
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(6.175.643.380)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(3.018.120.000)	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		2.101.302.814	4.855.486.075
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		3.660.347.098	1.043.904.804
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	5.761.649.912	5.899.390.879



Nguyễn Thị Ngọc Duyên
Người lập

Nguyễn Thị Ngọc Duyên
Kế toán trưởng

Hoàng Minh Anh Tú
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 08 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ*Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025***1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình là Công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Nghị định số 28/CP ngày 07 tháng 05 năm 1996 của Chính phủ về chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần và Quyết định số 3336/QĐ-UB-KT ngày 26 tháng 06 năm 1998 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố giá trị doanh nghiệp của Công ty Văn hóa Dịch vụ Tổng hợp Tân Bình và chuyển thành Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 0301420079 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 08 năm 1998, đăng ký thay đổi lần thứ 38 ngày 08 tháng 09 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 61.725.230.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2025 là 61.725.230.000 VND; tương đương 6.172.523 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là: 49 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là: 41 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trên các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh và xuất nhập khẩu bao bì và cung ứng dịch vụ công nghệ thông tin.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất ngành in, ngành bao bì giấy, ngành bao bì nhựa, ngành khăn giấy;
- Sản xuất ngành hóa chất nhựa, hạt nhựa màu;
- Sản xuất phần mềm, phát triển sản phẩm công nghệ thông tin;
- Kinh doanh thương mại, dịch vụ;
- Kinh doanh cho thuê mặt bằng;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Dịch vụ kho vận.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Xí nghiệp In Tổng hợp Alta

Xí nghiệp In Đa phương tiện

Trung tâm giải trí, rạp Cinemax

Địa chỉ

Thành phố Hồ Chí Minh

Thành phố Hồ Chí Minh

Thành phố Hồ Chí Minh

Hoạt động kinh doanh chính

In ấn

In ấn, sản xuất phim

Trung tâm giải trí, rạp 3D-4D

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của toàn Công ty.

2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Ước tính phân bổ chi phí trả trước;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty và được Ban Tổng giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chỉ phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

2.7 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp phương pháp bình quân gia quyền.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.10 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.11 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30	năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05	năm
- Quyền sử dụng đất	20 - 50	năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05	năm

2.12 . Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30	năm
- Quyền sử dụng đất	05 - 30	năm

2.13 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.14 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.15 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao là Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng thời gian từ 12 tháng đến 36 tháng.

2.16 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.17 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.18 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.19 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty mua lại trước ngày hiệu lực của Luật chứng khoán 2019 (ngày 01 tháng 01 năm 2021) nhưng chưa bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ mua sau ngày 01 tháng 01 năm 2021 sẽ được hủy bỏ và điều chỉnh giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.20 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.21 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: giảm giá hàng bán.

Các khoản giảm giá hàng bán phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

2.22 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ và, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

2.23 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.24 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

2.25 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan

Thông tin chi tiết về giao dịch với bên liên quan được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 do Công ty công bố đồng thời Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

2.26 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	296.484.304	26.624.663
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.465.165.608	1.633.722.435
Các khoản tương đương tiền (*)	2.000.000.000	2.000.000.000
	5.761.649.912	3.660.347.098

(*) Tại ngày 30/06/2025, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng, có giá trị 2.000.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu với lãi suất 4,5%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Tiền gửi có kỳ hạn	44.962.591.378	-	44.312.176.005	-
	44.962.591.378	-	44.312.176.005	-

(*) Tại ngày 30/06/2025, các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 06 tháng đến 12 tháng với giá trị 44.962.591.378 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 2,8%/năm đến 6,1%/năm.

b) Chứng khoán kinh doanh

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản An Gia (mã CK: AGG)	90.540.000	61.343.750	90.540.000	58.135.000
Cổ phiếu Tổng Công ty Idico (Mã CK: IDC)	394.400.000	374.753.474	394.400.000	445.600.000
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Vincom Retail (Mã CK: VRE)	117.500.000	124.000.000	117.500.000	85.750.000
Cổ phiếu CTCP Đông Hải Bến Tre (Mã CK: DHC)	109.500.000	69.375.000	109.500.000	94.250.000
Cổ phiếu khác	13.609.276	16.262.750	13.609.276	19.774.900
	725.549.276	645.734.974	725.549.276	703.509.900
				(81.014.775)

Giá trị hợp lý của các chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá đóng cửa của các chứng khoán này trên sàn HNX, HOSE tại ngày 31/12/2024 và 30/06/2025.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2025				01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty con						
- Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ Kỹ thuật Nhựa Âu Lạc	45.000.000.000		(12.856.442.758)	45.000.000.000		(13.267.202.693)
- Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Truyền thông Âu Lạc	20.000.000.000		-	20.000.000.000		-
- Công ty TNHH MTV Phát triển Phần mềm Âu Lạc	20.000.000.000		(12.856.442.758)	20.000.000.000		(10.598.457.222)
- Công ty TNHH MTV Phát triển Phần mềm Âu Lạc	5.000.000.000		-	5.000.000.000		(2.668.745.471)
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết						
- Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	7.520.000.000		-	7.520.000.000		-
- Công ty Cổ phần Dược Đồng Nai - DPP (11.052 cổ phiếu) ⁽¹⁾	7.520.000.000		-	7.520.000.000		-
Đầu tư vào đơn vị khác						
- Công ty Cổ phần Giấy Tập Lẻ Hoa (5.450 cổ phiếu) ⁽²⁾	159.699.200	226.566.000	-	159.699.200	226.566.000	-
- Công ty Cổ phần Dược Đồng Nai - DPP (11.052 cổ phiếu) ⁽¹⁾	100.199.200	226.566.000	-	100.199.200	226.566.000	-
- Công ty Cổ phần Giấy Tập Lẻ Hoa (5.450 cổ phiếu) ⁽²⁾	59.500.000		-	59.500.000		-
	52.679.699.200	226.566.000	(12.856.442.758)	52.679.699.200	226.566.000	(13.267.202.693)

(1) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này được xác định theo giá đóng cửa của các chứng khoán này trên HNX, HOSE và UPCOM tại ngày 31/12/2024 và 30/06/2025.

(2) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	11.058.552.474	-	3.471.145.175	-
- Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Truyền thông Âu Lạc	1.122.952.860	-	319.118.357	-
- Công Ty TNHH MTV Ứng Dụng Công Nghệ Kỹ Thuật Nhựa Âu Lạc	9.935.599.614	-	2.794.846.886	-
- Công ty TNHH MTV Phát triển Phần mềm Âu Lạc	-	-	357.179.932	-
Bên khác	17.562.580.595	(221.296.345)	42.165.982.376	(221.296.345)
- Công ty Cổ phần Bao bì Hải Hà	14.266.841.604	-	24.588.505.938	-
- Sở Thông Tin & Truyền Thông Tỉnh Hậu Giang	-	-	10.572.188.389	-
- Phải thu khách hàng khác	3.295.738.991	(221.296.345)	7.005.288.049	(221.296.345)
	28.621.133.069	(221.296.345)	45.637.127.551	(221.296.345)

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	1.813.520.646	-	-	-
- Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Truyền thông Âu Lạc	73.436.024	-	-	-
- Công Ty TNHH MTV Ứng Dụng Công Nghệ Kỹ Thuật Nhựa Âu Lạc	1.740.084.622	-	-	-
Bên khác	13.128.291.401	-	11.621.786.387	-
- Công ty Cổ phần Kinh doanh Nhà Nova	8.284.718.612	-	8.284.718.612	-
- Công ty Cổ Phần Novareal	2.612.265.248	-	2.612.265.248	-
- Trả trước cho người bán khác	2.231.307.541	-	724.802.527	-
	14.941.812.047	-	11.621.786.387	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

7 . PHẢI THU VỀ CHO VAY

	01/01/2025				Trong kỳ				30/06/2025	
	Giá trị		Dự phòng		Tăng		Giảm		Giá trị	
	VND		VND		VND		VND		VND	VND
a) Ngắn hạn										
<i>Bên liên quan</i>										
- Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Truyền thông Âu Lạc ⁽¹⁾	6.960.000.000		-		-		2.910.000.000		4.050.000.000	-
- Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ Kỹ thuật Nhựa Âu Lạc ⁽²⁾	3.000.000.000		-		-		-		3.000.000.000	-
	<u>9.960.000.000</u>		<u>-</u>		<u>-</u>		<u>2.910.000.000</u>		<u>7.050.000.000</u>	<u>-</u>
b) Dài hạn										
<i>Bên liên quan</i>										
- Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Truyền thông Âu Lạc ⁽³⁾	24.700.000.000		-		700.000.000		3.700.000.000		21.700.000.000	-
- Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ Kỹ thuật Nhựa Âu Lạc ⁽⁴⁾	-		-		2.500.000.000		-		2.500.000.000	-
	<u>24.700.000.000</u>		<u>-</u>		<u>3.200.000.000</u>		<u>3.700.000.000</u>		<u>24.200.000.000</u>	<u>-</u>
Khoản đến hạn phải thu trong vòng 12 tháng	-		-		-		-		-	-
Khoản đến hạn phải thu sau 12 tháng	<u>24.700.000.000</u>		<u>-</u>						<u>24.200.000.000</u>	<u>-</u>

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản cho vay ngắn hạn:

STT	Đơn vị cho vay	Số hợp đồng	Tổng số tiền cho vay (VND)	Lãi suất	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc đến 30/06/2025 (VND)	Mục đích vay	Phương thức đảm bảo
1	(1) Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Truyền thông Âu Lạc	01/08/2023 HECVV	2.000.000.000	3%/năm	Đến ngày 03/08/2025	1.600.000.000	Bổ sung vốn kinh doanh	Tin chấp
2		01/11/2023 HECVV	2.000.000.000	3%/năm	Đến ngày 09/11/2025	1.450.000.000	Bổ sung vốn kinh doanh	Tin chấp
3		02/11/2023 HECVV	1.000.000.000	3%/năm	Đến ngày 09/05/2026	1.000.000.000	Bổ sung vốn kinh doanh	Tin chấp
Tổng cộng						4.050.000.000		
1	(2) Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ Kỹ thuật Nhựa Âu Lạc	01/05/2023/HECVV	5.500.000.000	3,5%/năm	Đến ngày 24/05/2026	3.000.000.000	Bổ sung vốn kinh doanh	Tin chấp
Tổng cộng						3.000.000.000		

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản cho vay dài hạn:

STT	Đơn vị cho vay	Số hợp đồng	Tổng số tiền cho vay (VND)	Lãi suất	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc đến 30/06/2025 (VND)	Mục đích vay	Phương thức đảm bảo
1	(3) Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Truyền thông Âu Lạc	01/05/HECVV-2024	3.000.000.000	5.5%/năm	Đến ngày 09/05/2026	3.000.000.000	Bổ sung vốn kinh doanh	Tin chấp
2		01/06/HECVV-2024	4.000.000.000	3%/năm	Đến ngày 07/06/2026	4.000.000.000	Bổ sung vốn kinh doanh	Tin chấp
3		01/07/HECVV-2024	10.000.000.000	3%/năm	Đến ngày 16/07/2027	10.000.000.000	Bổ sung vốn kinh doanh	Tin chấp
4		01/08/HECVV-2024	2.000.000.000	3%/năm	Đến ngày 19/08/2026	2.000.000.000	Bổ sung vốn kinh doanh	Tin chấp
5		01/09/HECVV-2024	2.000.000.000	3%/năm	Đến ngày 10/09/2026	2.000.000.000	Bổ sung vốn kinh doanh	Tin chấp
7		01/03/HECVV-2025	700.000.000	3%/năm	Đến ngày 14/03/2028	700.000.000	Bổ sung vốn kinh doanh	Tin chấp
Tổng cộng						21.700.000.000		
1	(4) Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ Kỹ thuật Nhựa Âu Lạc	01/06/HECVV-2025	2.500.000.000	3%/năm	Đến ngày 27/06/2028	2.500.000.000	Bổ sung vốn kinh doanh	Tin chấp
Tổng cộng						2.500.000.000		

CHỖ CHỮ KÝ VÀ CHỖ DÁN CHỮ CHỮ KÝ

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

8 . PHẢI THU KHÁC

		30/06/2025		01/01/2025	
		Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
		VND	VND	VND	VND
a)	Ngắn hạn				
a1)	<i>Chi tiết theo nội dung</i>				
	Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	451.200.000	-	-	-
	Ký cược, ký quỹ	36.637.436	-	36.637.436	-
	Phải thu khác	92.534.550	-	96.151.759	-
		<u>580.371.986</u>	<u>-</u>	<u>132.789.195</u>	<u>-</u>
a2)	<i>Chi tiết theo đối tượng</i>				
	<i>Bên liên quan</i>	<i>451.200.000</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
	- Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	451.200.000	-	-	-
	<i>Bên khác</i>	<i>129.171.986</i>	<i>-</i>	<i>132.789.195</i>	<i>-</i>
	Các đối tượng khác	129.171.986	-	132.789.195	-
		<u>580.371.986</u>	<u>-</u>	<u>132.789.195</u>	<u>-</u>
b)	Dài hạn				
	<i>Chi tiết theo nội dung</i>				
	Ký cược, ký quỹ	1.000.000	-	1.000.000	-
		<u>1.000.000</u>	<u>-</u>	<u>1.000.000</u>	<u>-</u>

9 . NỢ XẤU

		30/06/2025		01/01/2025	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
		VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:					
-	Công ty TNHH Bán lẻ Phương Nam	84.428.747	-	84.428.747	-
-	Công ty Cổ phần Văn Hóa Nhân Văn	35.345.200	-	35.345.200	-
-	Nhà Sách Nguyễn Văn Cừ 1	19.426.500	-	19.426.500	-
-	Các khoản khác	82.095.898	-	82.095.898	-
		<u>221.296.345</u>	<u>-</u>	<u>221.296.345</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

10 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	414.982.450	-	1.176.096.571	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	355.781.181	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	2.717.527.845	-
Thành phẩm	-	-	321.107.254	-
Hàng hoá	1.003.538.274	-	-	-
	1.418.520.724	-	4.570.512.851	-

11 . TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	2.073.222.677	2.038.285.677
- Dự án thi công hệ thống PCCC của Hệ thống điện Năng lượng mặt trời	1.212.730.307	1.212.730.307
- Dự án thi công hệ thống PCCC tại 91B Phan Văn Hai	650.870.370	650.870.370
- Lót đậu xe tại Celadon vị trí (A5b) B2.242	209.622.000	174.685.000
Mua sắm tài sản cố định	96.696.000	96.696.000
- Chi phí thiết kế Phần mềm Fast Business	96.696.000	96.696.000
	2.169.918.677	2.134.981.677

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	35.947.028.806	5.499.250.472	3.836.446.945	1.174.743.275	46.457.469.498
- Mua trong kỳ	-	-	-	1.248.400.000	1.248.400.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.628.000.000)	-	-	(1.628.000.000)
Số dư cuối kỳ	35.947.028.806	3.871.250.472	3.836.446.945	2.423.143.275	46.077.869.498
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	26.706.811.181	4.114.573.377	2.459.441.585	1.174.743.275	34.455.569.418
- Khấu hao trong kỳ	1.405.342.625	257.263.074	210.708.870	208.066.668	2.081.381.237
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.555.777.774)	-	-	(1.555.777.774)
Số dư cuối kỳ	28.112.153.806	2.816.058.677	2.670.150.455	1.382.809.943	34.981.172.881
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	9.240.217.625	1.384.677.095	1.377.005.360	-	12.001.900.080
Tại ngày cuối kỳ	7.834.875.000	1.055.191.795	1.166.296.490	1.040.333.332	11.096.696.617

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 10.859.037.140 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

13 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	6.237.885.093	834.752.904	7.072.637.997
Số dư cuối kỳ	6.237.885.093	834.752.904	7.072.637.997
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	2.876.150.542	498.202.904	3.374.353.446
- Khấu hao trong kỳ	74.705.208	38.100.000	112.805.208
Số dư cuối kỳ	2.950.855.750	536.302.904	3.487.158.654
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	3.361.734.551	336.550.000	3.698.284.551
Tại ngày cuối kỳ	3.287.029.343	298.450.000	3.585.479.343

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 453.752.904 VND.

14 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư của Công ty là tòa nhà Alta Plaza có địa chỉ tại đường Phạm Văn Hai, Phường Tân Sơn Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, được sử dụng với mục đích cho thuê. Nguyên giá tại thời điểm 01/01/2025 và 30/06/2025 là 51.544.546.189 VND; hao mòn lũy kế tại thời điểm 01/01/2025 và 30/06/2025 lần lượt là 27.069.525.934 VND và 27.432.196.846 VND, khấu hao trong kỳ là 362.670.912 VND.

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá của Công ty là căn hộ B3.10.05 tại Khu Diamond Brillant thuộc dự án Celadon City có địa chỉ tại Phường Tân Sơn Nhì, Thành phố Hồ Chí Minh với nguyên giá tại thời điểm 30/06/2025 là 6.008.273.699 VND.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 30/06/2025. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê và giá thị trường của các tài sản này, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu hoạt động cho thuê bất động sản phát sinh trong 6 tháng đầu năm 2025 được trình bày tại thuyết minh số 22 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và số tiền thuê dự kiến thu được trong tương lai của các hợp đồng cho thuê mặt bằng được trình bày tại thuyết minh số 21 - Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán và cam kết thuê hoạt động.

15 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Bảo hiểm thân vỏ xe ô tô	8.098.787	32.395.151
	8.098.787	32.395.151
b) Dài hạn		
Chi phí sửa chữa tài sản chờ phân bổ	181.855.562	292.586.930
	181.855.562	292.586.930

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

16 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	VND
Bên liên quan	1.003.125.690	1.003.125.690	3.476.535.690	3.476.535.690
- Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Truyền thông Âu Lạc	-	-	1.183.410.000	1.183.410.000
- Công ty TNHH MTV Phát Triển Phần Mềm Âu Lạc	1.003.125.690	1.003.125.690	2.293.125.690	2.293.125.690
Bên khác	2.391.637.895	2.391.637.895	7.843.974.590	7.843.974.590
- TWT Applied Technology and Services Pte Ltd	22.609.273	22.609.273	3.267.564.084	3.267.564.084
- Công ty TNHH SX bao bì Tân Thuận Thiên	-	-	2.985.687.087	2.985.687.087
- Công ty TNHH Thương Phẩm	436.500.000	436.500.000	-	-
- Phải trả nhà cung cấp khác	1.932.528.622	1.932.528.622	1.590.723.419	1.590.723.419
	3.394.763.585	3.394.763.585	11.320.510.280	11.320.510.280

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	277.077.165	768.781.899	964.743.470	-	81.115.594
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	148.775.918	-	161.637.990	-	(12.862.072)
Thuế Thu nhập cá nhân	-	57.850.150	47.198.855	113.403.543	-	(8.354.538)
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	-	21.620.048	21.620.048	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	16.561.425	16.561.425	-	-
	-	483.703.233	854.162.227	1.277.966.476	-	59.898.984

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

18 . PHẢI TRẢ KHÁC NGÂN HẠN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	15.391.760	-
- Bảo hiểm xã hội	2.101.810	736.985
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	7.317.182.872	7.290.182.872
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	60.386.030	60.386.030
- Tiền thưởng Ban điều hành	420.915.454	420.915.454
- Quỹ phải trả người lao động	1.016.597.442	1.016.597.442
- Bà Trần Thị Huệ	-	6.778.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	23.952.102	-
	8.856.527.470	15.566.818.783

CÔNG TY CỔ PHẦN VÂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

19 . VAY

	01/01/2025		Trong kỳ		30/06/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn						
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình	3.018.120.000	3.018.120.000	3.157.523.380	6.175.643.380	-	-
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả						
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Gia Định (*)	1.456.083.454	1.456.083.454	-	-	1.456.083.454	1.456.083.454
	4.474.203.454	4.474.203.454	3.157.523.380	6.175.643.380	1.456.083.454	1.456.083.454
b) Vay dài hạn						
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Gia Định (*)	1.456.083.454	1.456.083.454	-	-	1.456.083.454	1.456.083.454
	1.456.083.454	1.456.083.454	-	-	1.456.083.454	1.456.083.454
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(1.456.083.454)	(1.456.083.454)	-	-	(1.456.083.454)	(1.456.083.454)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	-	-	-	-	-	-

Thông tin chi tiết liên quan đến khoản vay dài hạn:

(*) Hợp đồng cấp tín dụng số EGD/22239 ngày 18/07/2022 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Gia Định, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Số tiền cho vay: 1.800.000.000 VND;
- + Mục đích vay: Thanh toán tiền đặt cọc theo Văn bản thỏa thuận số VTV.4-19.06/2019/VBTT/NVH-VHTB;
- + Thời hạn của hợp đồng: 36 tháng;
- + Lãi suất cho vay: Ghi trên từng giấy nhận nợ;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ là 1.456.083.454 VND. Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả trong 12 tháng tới là: 1.456.083.454 VND;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Thế chấp bằng tài sản hình thành từ khoản vay là căn hộ VTV.4 - 19.06 thuộc Khu nhà ở tại phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẠN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	61.725.230.000	137.662.054.443	2.140.945.047	(11.666.581.607)	2.243.857.861	11.542.637.402	203.648.143.146
Lỗi trong kỳ trước	-	-	-	-	-	(1.604.887.006)	(1.604.887.006)
Số dư cuối kỳ trước	61.725.230.000	137.662.054.443	2.140.945.047	(11.666.581.607)	2.243.857.861	9.937.750.396	202.043.256.140
Số dư đầu năm nay	61.725.230.000	137.662.054.443	2.140.945.047	(11.666.581.607)	2.243.857.861	6.938.401.960	199.043.907.704
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-	247.831.499	247.831.499
Số dư cuối kỳ này	61.725.230.000	137.662.054.443	2.140.945.047	(11.666.581.607)	2.243.857.861	7.186.233.459	199.291.739.203

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Tỷ lệ</u>	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Tỷ lệ</u>	<u>Đầu kỳ</u>
	(%)	VND	(%)	VND
Công ty Cổ phần Địa ốc A.C.B	17,03	10.512.440.000	17,03	10.512.440.000
Tổng Công ty Công nghiệp In - Bao bì Liksin - TNHH MTV	12,32	7.602.110.000	12,32	7.602.110.000
Ông Hoàng Văn Điều	9,43	5.820.000.000	9,43	5.820.000.000
Ông Hoàng Minh Anh Tú	9,08	5.605.950.000	9,08	5.605.950.000
Bà Lại Thị Hồng Điệp	5,77	3.558.630.000	5,77	3.558.630.000
Ông Hoàng Minh Anh Tài	-	-	4,57	2.821.000.000
Ông La Thế Nhân	4,79	2.955.500.000	4,79	2.955.500.000
Các cổ đông khác	34,53	21.312.460.000	29,96	18.491.460.000
Cổ phiếu quỹ	7,06	4.358.140.000	7,06	4.358.140.000
	<u>100</u>	<u>61.725.230.000</u>	<u>100</u>	<u>61.725.230.000</u>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>06 tháng đầu năm</u>	<u>06 tháng đầu năm</u>
	2025	2024
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	61.725.230.000	61.725.230.000
- Vốn góp đầu kỳ	61.725.230.000	61.725.230.000
- Vốn góp cuối kỳ	61.725.230.000	61.725.230.000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu kỳ	60.386.030	60.386.030
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ	60.386.030	60.386.030

d) Cổ phiếu

	<u>30/06/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.172.523	6.172.523
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	6.172.523	6.172.523
- Cổ phiếu phổ thông	6.172.523	6.172.523
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	435.814	435.814
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	435.814	435.814
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.736.709	5.736.709
- Cổ phiếu phổ thông	6.172.523	6.172.523
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	(435.814)	(435.814)
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	<u>30/06/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	2.243.857.861	2.243.857.861
	<u>2.243.857.861</u>	<u>2.243.857.861</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

21 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**a) Tài sản cho thuê ngoài**

Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 30/06/2025, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng cho thuê hoạt động không hủy ngang theo các thời hạn được trình bày như sau:

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	7.843.979.727	15.415.096.277
	7.843.979.727	15.415.096.277

b) Tài sản thuê ngoài

Công ty được Nhà nước cho thuê một số lô đất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh theo hình thức trả tiền thuê đất hàng năm theo quy định hiện hành của Nhà nước. Cụ thể như sau:

STT	Vị trí	Diện tích	Thời gian thuê
1	Số 284-286 Hoàng Văn Thụ, phường Tân Sơn Nhất, thành phố Hồ Chí Minh	121,7 m ²	48 năm từ ngày 31/08/1998 đến 01/01/2046
2	Số 654 Trường Chinh, phường Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh	85 m ²	48 năm từ ngày 31/08/1998 đến 01/01/2046
3	Số 105A Âu Cơ, phường Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh	972 m ²	48 năm từ ngày 31/08/1998 đến 01/01/2046
4	Số 203-205 Võ Thành Trang, phường Bảy Hiền, thành phố Hồ Chí Minh	317 m ²	48 năm từ ngày 31/08/1998 đến 01/01/2046
5	Số 11 Trường Chinh, phường Bảy Hiền, thành phố Hồ Chí Minh	13,58 m ²	48 năm từ ngày 31/08/1998 đến 01/01/2046
6	Số 09 Trường Chinh, phường Bảy Hiền, thành phố Hồ Chí Minh	16,68 m ²	48 năm từ ngày 31/08/1998 đến 01/01/2046
7	Số 927/8 Cách mạng Tháng 8, phường Tân Sơn Nhất, thành phố Hồ Chí Minh	300 m ²	48 năm từ ngày 31/08/1998 đến 01/01/2046
8	Số 8 Đông Sơn, phường Tân Sơn Nhất, thành phố Hồ Chí Minh	413 m ²	48 năm từ ngày 31/08/1998 đến 01/01/2046
9	Lô II-3, KCN2, đường số 11, KCN Tân Bình, phường Tây Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh	9.987 m ²	41 năm từ ngày 17/07/2006 đến 17/06/2047

c) Ngoại tệ các loại

	30/06/2025	01/01/2025
- Đồng đô la Mỹ (USD)	661,89	668,49

22 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	29.704.535.586	58.211.168.391
Doanh thu bán bất động sản	-	2.152.240.481
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê	9.616.329.703	8.484.137.987
Doanh thu dịch vụ khác	10.088.057.329	6.571.192.586
	49.408.922.618	75.418.739.445

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

23 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Giảm giá hàng bán	-	74.250.000
	-	74.250.000

24 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	29.177.098.880	55.702.043.248
Giá vốn của bất động sản đã bán	-	2.690.358.106
Giá vốn của dịch vụ cho thuê đã cung cấp	7.157.581.926	5.846.775.477
Giá vốn của dịch vụ khác	7.486.113.285	3.995.747.109
	43.820.794.091	68.234.923.940

25 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	1.548.622.005	3.788.182.489
Cổ tức, lợi nhuận được chia	494.338.016	485.921.600
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	-	42.947.894
	2.042.960.021	4.317.051.983

26 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền vay	75.989.335	32.220.665
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	81.222.007	47.457.828
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	-	9.149.721
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(402.806.934)	5.832.690.491
	(245.595.592)	5.921.518.705

27 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	697.762.101	829.320.491
Chi phí khác bằng tiền	108.535.973	-
	806.298.074	829.320.491

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

28 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	44.101.652	36.059.923
Chi phí nhân công	3.185.813.222	3.097.541.260
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.750.980.480	1.806.563.816
Thuế, phí, lệ phí	14.897.382	43.945.554
Chi phí dịch vụ mua ngoài	334.221.801	428.083.511
Chi phí khác bằng tiền	1.448.177.739	937.915.473
	6.778.192.276	6.350.109.537

29 . THU NHẬP KHÁC

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Thu nhập khác	10.527.704	79.984.159
	10.527.704	79.984.159

30 . CHI PHÍ KHÁC

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	48.585.862	-
Các khoản bị phạt	-	10.539.920
Chi phí khác	6.304.133	-
	54.889.995	10.539.920

31 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	247.831.499	(1.604.887.006)
Các khoản điều chỉnh tăng	62.832.128	10.539.920
- Chi phí không hợp lệ	62.832.128	10.539.920
Các khoản điều chỉnh giảm	(451.200.000)	(485.921.600)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(451.200.000)	(485.921.600)
Thu nhập chịu thuế TNDN	(140.536.373)	(2.080.268.686)
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	148.775.918	801.268.283
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(161.637.990)	(814.130.355)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	(12.862.072)	(12.862.072)

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

32 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	533.086.707	580.552.951
Chi phí nhân công	4.663.573.657	4.752.659.920
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.556.857.357	2.299.644.883
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.668.869.655	4.824.436.382
Chi phí khác bằng tiền	3.290.447.207	4.982.203.266
	16.712.834.583	17.439.497.402

33 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động giá thị trường, tỷ giá hối đoái, lãi suất

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2025				
Đầu tư ngắn hạn	636.581.500	-	-	636.581.500
	636.581.500	-	-	636.581.500
Tại ngày 01/01/2025				
Đầu tư ngắn hạn	644.534.501	-	-	644.534.501
	644.534.501	-	-	644.534.501

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2025				
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.465.165.608	-	-	5.465.165.608
Phải thu khách hàng, phải thu khác	28.980.208.710	1.000.000	-	28.981.208.710
Các khoản cho vay	7.050.000.000	24.200.000.000	-	31.250.000.000
	<u>41.495.374.318</u>	<u>24.201.000.000</u>	<u>-</u>	<u>65.696.374.318</u>
Tại ngày 01/01/2025				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.633.722.435	-	-	3.633.722.435
Phải thu khách hàng, phải thu khác	45.548.620.401	1.000.000	-	45.549.620.401
Các khoản cho vay	9.960.000.000	24.700.000.000	-	34.660.000.000
	<u>59.142.342.836</u>	<u>24.701.000.000</u>	<u>-</u>	<u>83.843.342.836</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2025				
Vay và nợ	1.456.083.454	-	-	1.456.083.454
Phải trả người bán, phải trả khác	12.251.291.055	-	-	12.251.291.055
	<u>13.707.374.509</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>13.707.374.509</u>
Tại ngày 01/01/2025				
Vay và nợ	4.474.203.454	-	-	4.474.203.454
Phải trả người bán, phải trả khác	26.887.329.063	-	-	26.887.329.063
	<u>31.361.532.517</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>31.361.532.517</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
P. Tây Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

34 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

35 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**a) Theo lĩnh vực kinh doanh**

	Hoạt động sản xuất và thương mại	Hoạt động dịch vụ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	29.704.535.586	19.704.387.032	49.408.922.618
Chi phí bộ phận trực tiếp	29.177.098.880	14.643.695.211	43.820.794.091
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	527.436.706	5.060.691.821	5.588.128.527
Tổng chi phí mua TSCĐ	-	1.283.337.000	1.283.337.000
Tài sản bộ phận trực tiếp	105.277.649.053	69.835.515.077	175.113.164.130
Tài sản không phân bổ			39.823.256.442
Tổng tài sản	105.277.649.053	69.835.515.077	214.936.420.572
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	9.950.337.398	4.993.975.196	14.944.312.594
Nợ phải trả không phân bổ			700.368.775
Tổng nợ phải trả	9.950.337.398	4.993.975.196	15.644.681.369

b) Theo khu vực địa lý

Do toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đều diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, Công ty không thực hiện lập và trình bày Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

36 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024.

Nguyễn Thị Ngọc Duyên

Người lập

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 08 năm 2025

Nguyễn Thị Ngọc Duyên

Kế toán trưởng

Hoàng Minh Anh Tú

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Digitally signed by CÔNG TY
CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH
DN: C=VN, L=TPHCM, CN=
CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA
TÂN BÌNH,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.
1=MST:0301420079
Reason: I am the author of this
document
Location:
Date: 2025.08.28
14:58:47
+07'00'
Foxit PDF Reader Version:
12.1.3

INTERIM SEPARATE FINANCIAL STATEMENTS

TAN BINH CULTURE JOINT STOCK COMPANY

For the period from 01/01/2025 to 30/06/2025
(reviewed)



TAN BINH CULTURE JOINT STOCK COMPANY

Lot II-3, Group CN 2, Street No. 11, Tan Binh Industrial Park, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City

CONTENTS

	Pages
Report of The Board of Management	02-03
Review report on Interim Financial Information	04-05
Reviewed Interim Separate Financial statements	06-40
Interim Separate Statement of Financial position	06-08
Interim Separate Statement of Income	09
Interim Separate Statement of Cash flows	10-11
Notes To Interim Separate Financial Statements	12-40

TAN BINH CULTURE JOINT STOCK COMPANY

Lot II-3, Group CN 2, Street No. 11, Tan Binh Industrial Park, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City

REPORT OF THE BOARD OF MANAGEMENT

The Board of Management of Tan Binh Culture Joint Stock Company ("the Company") presents its report and the Company's Interim Separate Financial statements for the period from 01/01/2025 to 30/06/2025.

THE COMPANY

Tan Binh Culture Joint Stock Company is a joint stock company that was converted from a state-owned enterprise under Decree No. 28/CP dated May 7, 1996, of the Government on the transformation of state-owned enterprises into joint-stock companies and Decision No. 3336/QĐ-UB-KT dated June 26, 1998, of the People's Committee of Ho Chi Minh City regarding the announcement of the enterprise valuation of Tan Binh General Service Culture Company and its conversion into Tan Binh Culture Joint Stock Company. The company operates under the Business Registration Certificate and Tax Registration for Joint Stock Company No. 0301420079, issued by the Ho Chi Minh City Department of Planning and Investment on August 31, 1998, with its 38th amendment registered on September 8, 2022.

The Company's head office is located at: Lot II-3, Group CN 2, Street No. 11, Tan Binh Industrial Park, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City.

BOARD OF DIRECTORS, BOARD OF MANAGEMENT AND BOARD OF SUPERVISION

The members of The Board of Directors during the period and to the reporting date are:

Mr. La The Nhan	Chairman
Mrs. Lai Thi Hong Diep	Vice Chairman
Mr. Hoang Van Dieu	Member
Mrs. Hoang Minh Anh Tu	Member
P Nguyen Minh Tuan	Member
Mr. Trinh Xuan Quang	Member
Mr. Doan Thanh Hai	Member
Mr. Nguyen Anh Thuan	Member

The members of The Board of Management during the fiscal period and to the reporting date are:

Mr. Hoang Minh Anh Tu	General Director
-----------------------	------------------

Members of the Board of Supervision are:

Mr. Nguyen Van Danh	Head of Department
Mrs. Thai Thi Phuong	Member
Mrs. Quach Thi Mai Trang	Member

LEGAL REPRESENTATIVE

The legal representative of the Company during the period and until the preparation of this Interim Separate Financial Statements is Mr. Hoang Minh Anh Tu – General Director.

AUDITORS

The auditors of the AASC Auditing Firm Company Limited have taken the audit of Interim Separate Financial statements for the Company.

TAN BINH CULTURE JOINT STOCK COMPANY

Lot II-3, Group CN 2, Street No. 11, Tan Binh Industrial Park, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City

STATEMENT OF THE BOARD OF MANAGEMENT' RESPONSIBILITY IN RESPECT OF THE INTERIM SEPARATE FINANCIAL STATEMENTS

The Board of Management is responsible for the Interim Separate Financial statements of each financial period which give a true and fair view of the financial position of the Company; its operating results and its cash flows for the period. In preparing those Interim Separate Financial statements, The Board of Management is required to:

- Establish and maintain an internal control system which is determined necessary by The Board of Management to ensure the preparation and presentation of Interim Separate Financial statements do not contain any material misstatement caused by errors or frauds;
- Select suitable accounting policies and then apply them consistently;
- Make judgments and estimates that are reasonable and prudent;
- State whether applicable accounting standards have been followed, subject to any material departures disclosed and explained in the Interim Separate Financial statements;
- Prepare the Interim Separate Financial statements on the basis of compliance with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Corporate Accounting System and the statutory requirements relevant to preparation and presentation of Financial Statements;
- Prepare the Interim Separate Financial statements on going concern basis unless it is inappropriate to presume that the Company will continue in business.

The Board of Management is responsible for ensuring that accounting records are kept to reflect the financial position of the Company, with reasonable accuracy at anytime and to ensure that the Interim Separate Financial statements comply with the current State's regulations. It is responsible for safeguarding the assets of the Company and hence for taking reasonable steps for the prevention and detection of fraud and other irregularities.

The Board of Management confirms that the Interim Separate Financial Statements give a true and fair view of the financial position at 30 June 2025, its operation results and cash flows for the period from 01 January 2025 to 30 June 2025 of the Company in accordance with the Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Corporate Accounting System and the statutory requirements relevant to the preparation and presentation of the Interim Separate Financial Statements.

Other commitments

The Board of Management pledges that the Company complies with the Government's Decree No.155/2020/ND-CP dated 31 December 2020 on detailing and guiding the implementation of a number of articles of the Law on Securities and the Company does not violate the obligations of information disclosure in accordance with the regulations of the Circular No. 96/2020/TT-BTC dated 16 November 2020 issued by the Ministry of Finance guiding the disclosure of information on Securities Market and the Circular No. 68/2024/TT-BTC dated 18 September 2024 issued by Ministry of Finance amending and supplementing some articles of the Circular No. 96/2020/TT-BTC.

On behalf of The Board of Management



Hoang Minh Anh Tu
General Director

Ho Chi Minh City, August 28, 2025

REVIEW REPORT ON INTERIM SEPARATE FINANCIAL INFORMATION

**To: Shareholders, The Board of Directors and The Board of Management
Tan Binh Culture Joint Stock Company**

We have reviewed the Interim Separate Financial statements of Tan Binh Culture Joint Stock Company prepared on August 28, 2025, from page 06 to page 40 including: Interim Separate Statement of Financial position as at 30 June 2025, Interim Separate Statement of Income, Interim Separate Statement of Cash flows and Notes To Interim Separate Financial Statements for the period from 01 January 2025 to 30 June 2025.

The Board of Management' responsibility

The Board of Management is responsible for the preparation of Interim Separate Financial Statements that give a true and fair view in accordance with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Enterprise Accounting System and the statutory requirements relevant to preparation and presentation of Interim Financial Statements and for such internal control as management determines is necessary to enable the preparation of Interim Financial Statements that are free from material misstatement, whether due to fraud or error.

Auditor's responsibility

Our responsibility is to express a conclusion on these Interim Separate Financial Statements based on our review. We conducted our review in accordance with Vietnamese Standard on Review Engagements 2410, Review of Interim Financial Information Performed by the Independent Auditor of the Entity.

A review of Interim Financial Information consists of making inquiries, primarily of persons responsible for financial and accounting matters, and applying analytical and other review procedures. A review is substantially less in scope than an audit conducted in accordance with Vietnamese Standards on Auditing and consequently does not enable us to obtain assurance that we would become aware of all significant matters that might be identified in an audit. Accordingly, we do not express an audit opinion.

Auditor's Conclusion

Based on our review, nothing has come to our attention that causes us to believe that the accompanying Interim Separate Financial statements does not give a true and fair view, in all material respects, of the financial position of Tan Binh Culture Joint Stock Company as at 30 June 2025, and of its financial performance and its cash flows for the six-month period then ended in accordance with the Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Enterprise Accounting System and the statutory requirements relevant to preparation and presentation of interim financial statements.

AASC Auditing Firm Company Limited



Vu Xuan Bien

Deputy General Director

Certificate of registration to audit practice

No: 0743-2023-002-1

Hanoi, August 28, 2025

TAN BINH CULTURE JOINT STOCK COMPANY

Lot II-3, Group CN 2, Street No. 11, Tan Binh
Industrial Park, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City

Interim Separate Financial statements
For the period from 01/01/2025 to 30/06/2025

INTERIM SEPARATE STATEMENT OF FINANCIAL POSITION

As at 30 June 2025

Code	ASSETS	Note	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
100	A. SHORT-TERM ASSETS		103,757,590,889	120,350,372,394
110	I. Cash and cash equivalents	3	5,761,649,912	3,660,347,098
111	1. Cash		3,761,649,912	1,660,347,098
112	2. Cash equivalents		2,000,000,000	2,000,000,000
120	II. Short-term investments	4	45,599,172,878	44,956,710,506
121	1. Trading securities		725,549,276	725,549,276
122	2. Provision for diminution in value of trading securities		(88,967,776)	(81,014,775)
123	3. Held to maturity investments		44,962,591,378	44,312,176,005
130	III. Short-term receivables		50,972,020,757	67,130,406,788
131	1. Short-term trade receivables	5	28,621,133,069	45,637,127,551
132	2. Short-term prepayments to suppliers	6	14,941,812,047	11,621,786,387
135	3. Short-term loan receivables	7	7,050,000,000	9,960,000,000
136	4. Other short-term receivables	8	580,371,986	132,789,195
137	5. Provision for short-term doubtful debts		(221,296,345)	(221,296,345)
140	IV. Inventories	10	1,418,520,724	4,570,512,851
141	1. Inventories		1,418,520,724	4,570,512,851
150	V. Other short-term assets		6,226,618	32,395,151
151	1. Short-term prepaid expenses	15	8,098,787	32,395,151
152	2. Deductible VAT		(1,872,169)	-
200	B. NON-CURRENT ASSETS		111,178,829,683	112,724,543,699
210	I. Long-term receivables		24,201,000,000	24,701,000,000
215	1. Long-term loan receivables	7	24,200,000,000	24,700,000,000
216	2. Other long-term receivables	8	1,000,000	1,000,000
220	II. Fixed assets		14,682,175,960	15,700,184,631
221	1. Tangible fixed assets	12	11,096,696,617	12,001,900,080
222	- Historical costs		46,077,869,498	46,457,469,498
223	- Accumulated depreciation		(34,981,172,881)	(34,455,569,418)
227	2. Intangible fixed assets	13	3,585,479,343	3,698,284,551
228	- Historical costs		7,072,637,997	7,072,637,997
229	- Accumulated amortization		(3,487,158,654)	(3,374,353,446)
230	III. Investment properties	14	30,120,623,042	30,483,293,954
231	- Historical costs		57,552,819,888	57,552,819,888
232	- Accumulated depreciation		(27,432,196,846)	(27,069,525,934)

TAN BINH CULTURE JOINT STOCK COMPANY

Lot II-3, Group CN 2, Street No. 11, Tan Binh
Industrial Park, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City

Interim Separate Financial statements
For the period from 01/01/2025 to 30/06/2025

INTERIM SEPARATE STATEMENT OF FINANCIAL POSITION

As at 30 June 2025

(continued)

Code	ASSETS	Note	30/06/2025	01/01/2025
			VND	VND
240	IV. Long-term unfinished asset	11	2,169,918,677	2,134,981,677
242	1. Construction in progress		2,169,918,677	2,134,981,677
250	V. Long-term investments	4	39,823,256,442	39,412,496,507
251	1. Investment in subsidiaries		45,000,000,000	45,000,000,000
252	2. Investments in joint ventures and associates		7,520,000,000	7,520,000,000
253	3. Equity investments in other entities		159,699,200	159,699,200
254	4. Provision for devaluation of long-term investments		(12,856,442,758)	(13,267,202,693)
260	VI. Other long-term assets		181,855,562	292,586,930
261	1. Long-term prepaid expenses	15	181,855,562	292,586,930
270	TOTAL ASSETS		<u>214,936,420,572</u>	<u>233,074,916,093</u>

TAN BINH CULTURE JOINT STOCK COMPANY

Lot II-3, Group CN 2, Street No. 11, Tan Binh
Industrial Park, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City

Interim Separate Financial statements
For the period from 01/01/2025 to 30/06/2025

INTERIM SEPARATE STATEMENT OF FINANCIAL POSITION

As at 30 June 2025
(continued)

Code	CAPITAL	Note	30/06/2025	01/01/2025
			VND	VND
300	C. LIABILITIES		15,644,681,369	34,031,008,389
310	I. Current liabilities		15,644,681,369	34,031,008,389
311	1. Short-term trade payables	16	3,394,763,585	11,320,510,280
312	2. Short-term prepayments from customers		320,302,120	33,616,000
313	3. Taxes and other payables to State budget	17	59,898,984	483,703,233
314	4. Payables to employees		856,736,981	1,451,787,864
319	5. Other short-term payments	18	8,856,527,470	15,566,818,783
320	6. Short-term borrowings and finance lease liabilities	19	1,456,083,454	4,474,203,454
322	7. Bonus and welfare fund		700,368,775	700,368,775
400	D. OWNER'S EQUITY		199,291,739,203	199,043,907,704
410	I. Owner's equity	20	199,291,739,203	199,043,907,704
411	1. Contributed capital		61,725,230,000	61,725,230,000
411a	Ordinary shares with voting rights		61,725,230,000	61,725,230,000
412	2. Share Premium		137,662,054,443	137,662,054,443
414	3. Other capital		2,140,945,047	2,140,945,047
415	4. Treasury shares		(11,666,581,607)	(11,666,581,607)
418	5. Development investment funds		2,243,857,861	2,243,857,861
421	6. Retained earnings		7,186,233,459	6,938,401,960
421a	Retained earnings accumulated till the end of the previous year		6,938,401,960	5,805,928,402
421b	Retained earnings of the current period		247,831,499	1,132,473,558
440	TOTAL CAPITAL		214,936,420,572	233,074,916,093

Nguyen Thi Ngoc Duyen
Preparer

Nguyen Thi Ngoc Duyen
Chief Accountant



Hoang Minh Anh Tu
General Director

Ho Chi Minh City, August 28, 2025

TAN BINH CULTURE JOINT STOCK COMPANY

Lot II-3, Group CN 2, Street No. 11, Tan Binh
Industrial Park, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City

Interim Separate Financial statements
For the period from 01/01/2025 to 30/06/2025

INTERIM SEPARATE STATEMENT OF INCOME

For the period from 01/01/2025 to 30/06/2025

Code	ITEM	Note	The first 6 months of 2025	The first 6 months of 2024
			VND	VND
01	1. Revenue from sales of goods and rendering of services	22	49,408,922,618	75,418,739,445
02	2. Revenue deductions	23	-	74,250,000
10	3. Net revenue from sales of goods and rendering of services		49,408,922,618	75,344,489,445
11	4. Cost of goods sold	24	43,820,794,091	68,234,923,940
20	5. Gross profit from sales of goods and rendering of services		5,588,128,527	7,109,565,505
21	6. Financial income	25	2,042,960,021	4,317,051,983
22	7. Financial expense	26	(245,595,592)	5,921,518,705
23	<i>In which: Interest expenses</i>		75,989,335	32,220,665
25	8. Selling expenses	27	806,298,074	829,320,491
26	9. General and administrative expense	28	6,778,192,276	6,350,109,537
30	10. Net profit from operating activities		292,193,790	(1,674,331,245)
31	11. Other income	29	10,527,704	79,984,159
32	12. Other expense	30	54,889,995	10,539,920
40	13. Other profit		(44,362,291)	69,444,239
50	14. Total net profit before tax		247,831,499	(1,604,887,006)
51	15. Current corporate income tax expenses	31	-	-
60	17. Profit after corporate income tax		247,831,499	(1,604,887,006)

Nguyen Thi Ngoc Duyen
Preparer

Nguyen Thi Ngoc Duyen
Chief Accountant

Hoang Minh Anh Tu
General Director

Ho Chi Minh City, August 28, 2025

INTERIM SEPARATE STATEMENT OF CASH FLOWS*For the period from 01/01/2025 to 30/06/2025**(Indirect method)*

Code	ITEM	Note	The first 6 months of 2025	The first 6 months of 2024
			VND	VND
	I. CASH FLOWS FROM OPERATING ACTIVITIES			
01	1. Profit before tax		247,831,499	(1,604,887,006)
	2. Adjustments for			
02	- Depreciation and amortization of fixed assets and investment properties		2,556,857,357	2,299,644,883
03	- Provisions		(402,806,934)	5,832,690,491
05	- Gains, losses from investment		(1,994,374,159)	(3,735,986,464)
06	- Interest expense		75,989,335	32,220,665
08	3. Operating profit before changes in working capital		483,497,098	2,823,682,569
09	- Increase or decrease in receivables		13,701,458,200	(24,437,797,048)
10	- Increase or decrease in inventories		3,151,992,127	(2,754,298,792)
11	- Increase or decrease in payables (excluding interest payable/ corporate income tax payable)		(15,206,569,030)	15,462,769,364
12	- Increase or decrease in prepaid expenses		135,027,732	111,017,980
13	- Increase or decrease in trading securities		-	(109,500,000)
14	- Interest paid		(75,989,335)	(32,220,665)
15	- Corporate income tax paid		(161,637,990)	(814,130,355)
20	Net cash flows from operating activities		2,027,778,802	(9,750,476,947)
	II. CASH FLOWS FROM INVESTING ACTIVITIES			
21	1. Purchase or construction of fixed assets and other long-term assets		(1,283,337,000)	(1,537,901,313)
22	2. Proceeds from disposals of fixed assets and other long-term assets		23,636,364	2,152,240,481
23	3. Loans and purchase of debt instruments from other entities		(6,350,415,373)	(27,989,626,205)
24	4. Collection of loans and resale of debt instrument of other entities		9,110,000,000	38,633,325,438
27	5. Interest and dividend received		1,591,760,021	3,347,924,621
30	Net cash flows from investing activities		3,091,644,012	14,605,963,022

INTERIM SEPARATE STATEMENT OF CASH FLOWS

For the period from 01/01/2025 to 30/06/2025
 (Indirect method)

Code	ITEM	Note	The first 6 months of 2025	The first 6 months of 2024
			VND	VND
III CASH FLOWS FROM FINANCING ACTIVITIES				
33	1. Proceeds from borrowings		3,157,523,380	-
34	2. Repayment of principal		(6,175,643,380)	-
40	Net cash flows from financing activities		(3,018,120,000)	-
50	Net cash flows in the period		2,101,302,814	4,855,486,075
60	Cash and cash equivalents at the beginning of the year		3,660,347,098	1,043,904,804
70	Cash and cash equivalents at the end of the period	3	5,761,649,912	5,899,390,879


 Nguyen Thi Ngoc Duyen
 Preparer


 Nguyen Thi Ngoc Duyen
 Chief Accountant


 Hoang Minh Anh Tu
 General Director

Ho Chi Minh City, August 28, 2025



NOTES TO INTERIM SEPARATE FINANCIAL STATEMENTS*For the period from 01/01/2025 to 30/06/2025***1 . GENERAL INFORMATION****Form of ownership**

Tan Binh Culture Joint Stock Company is a joint stock company that was converted from a state-owned enterprise under Decree No. 28/CP dated May 7, 1996, of the Government on the transformation of state-owned enterprises into joint-stock companies and Decision No. 3336/QĐ-UB-KT dated June 26, 1998, of the People's Committee of Ho Chi Minh City regarding the announcement of the enterprise valuation of Tan Binh General Service Culture Company and its conversion into Tan Binh Culture Joint Stock Company. The company operates under the Business Registration Certificate and Tax Registration for Joint Stock Company No. 0301420079, issued by the Ho Chi Minh City Department of Planning and Investment on August 31, 1998, with its 38th amendment registered on September 8, 2022.

The Company's head office is located at: Lot II-3, Group CN 2, Street No. 11, Tan Binh Industrial Park, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City.

The company's registered charter capital is VND 61,725,230,000, and the contributed charter capital as at 30 June 2025 is VND 61,725,230,000, equivalent to 6,172,523 shares with a par value of VND 10,000 per share.

The number of employees of the Company as at 30 June 2025 is 49 people (as at 1 January 2025: 41 people).

Business field

The company operates in the fields of manufacturing, trading, and import-export of packaging, as well as providing information technology services.

Business activities

Main business activities of the Company include:

- Printing and packaging manufacturing (paper packaging, plastic packaging, tissue products);
- Production of plastic chemicals and colored plastic resins;
- Software development and information technology product innovation;
- Commercial trading and services;
- Leasing of commercial spaces;
- Cargo handling services;
- Warehousing.

Corporate structure

The Company's member entities are as follows:

	<u>Address</u>	<u>Main business activities</u>
Alta General Printing Enterprise	Ho Chi Minh City	Printing
Alta Multimedia Printing Enterprise	Ho Chi Minh City	Printing and film production
Entertainment Center, Cinemax Theater	Ho Chi Minh City	Entertainment center, 3D-4D cinema

Information of Subsidiaries, Associates of the Company is provided in Note No 4.

2 . ACCOUNTING SYSTEM AND ACCOUNTING POLICY

2.1 . Accounting period and accounting currency

Annual accounting period commences from 01 January and ends as at 31 December.

The Company maintains its accounting records in VND.

2.2 . Standards and Applicable Accounting Policies

Applicable Accounting Policies

The Company applies Corporate Accounting System issued under the Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 by the Ministry of Finance and the Circular No. 53/2016/TT-BTC dated 21 March 2016 issued by Ministry of Finance amending and supplementing some articles of the Circular No. 200/2014/TT-BTC.

Declaration of compliance with Accounting Standards and Accounting System

The Company applies Vietnamese Accounting Standards and supplementary documents issued by the State. Financial Statements are prepared and presented in accordance with regulations of each standard and supplementary document as well as with current Accounting Standards and Accounting System.

2.3 . Basis for preparation of the Interim Separate Financial statements

Interim Separate Financial statements are presented based on historical cost principle.

The Separate Financial Statements of the Company are prepared based on summarization of transactions incurred of dependent accounting entities and the head office of the Company.

The Users of these Interim Separate Financial statements should study the Interim Separate Financial statements combined with the Interim Consolidated Financial statements of the Company and its subsidiaries ("the Group") for the period from 01/01/2025 to 30/06/2025 in order to gain enough information regarding the financial position, results of operations and cash flows of the Group.

2.4 . Basis for preparation of Chairman

The preparation of Interim Separate Financial Statements in conformity with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Corporate Accounting System and legal regulations relating to financial reporting requires the Board of Management to make estimates and assumptions that affect the reported amounts of liabilities, assets and disclosures of contingent liabilities and assets at the date of the Separate Financial statements and the reported amounts of revenues and expenses during the fiscal period.

The estimates and assumptions that have a material impact in the Interim Separate Financial Statements include:

- Provision for bad debts;
- Provision for devaluation of inventory;
- Estimated allocation of prepaid expenses;
- Estimated useful life of fixed assets;
- Classification and provision of financial investments;
- Estimated income tax.

Such estimates and assumptions are continually evaluated. They are based on historical experience and other factors, including expectations of future events that have a material impact on the Company's Interim Separate Financial statements and that are assessed by the Board of Management to be reasonable under the circumstances.

2.5 . Financial instruments

Initial recognition

Financial assets

Financial assets of the Company include cash, cash equivalents, trade receivables, other receivables, lending loans, long-term and short-term investments. At initial recognition, financial assets are identified by purchasing price/issuing cost plus other expenses directly related to the purchase and issuance of those assets.

Financial liabilities

Financial liabilities of the Company include borrowings, trade payables, other payables and accrued expenses. At initial recognition, financial liabilities are determined by issuing price plus other expenses directly related to the issuance of those liabilities.

Subsequent measurement after initial recognition

Financial assets and financial liabilities are not revalued according to fair value at the end of the accounting period because the Circular No.210/2009/TT-BTC and prevailing statutory regulations require to present Financial statements and Notes to financial instruments but not provide any relevant instruction for assessment and recognition of fair value of financial assets and financial liabilities.

2.6 . Foreign currency transactions

Foreign currency transactions during the year are translated into Vietnam Dong using the actual rate at transaction date.

Real exchange rate when revaluing monetary items denominated in foreign currencies at the reporting date of the Separate Financial statements is determined on the following principles:

- For asset accounts, applying the bid rate of the commercial bank where the Company regularly conducts transaction;
- For foreign currency deposited in bank, applying the bid rate of the bank where the Company opens its foreign currency accounts;
- For liability accounts, applying the offer rate of the commercial bank where the Company regularly conducts transaction.

All exchange differences arising as a result of transactions or revaluation at the balance sheet date shall be recorded into the financial income or expense in the accounting period.

2.7 . Cash and cash equivalents

Cash comprises cash on hand, demand deposits.

Cash equivalents are short-term investments with the maturity of not over than 3 months from the date of investment, that are highly liquid and readily convertible into known amount of cash and that are subject to an insignificant risk of conversion into cash.

2.8 . Financial investments

Trading securities are initially recognized at original cost which includes purchase prices plus any directly attributable transaction costs such as brokerage, transaction fee, cost of information provision, taxes, bank's fees and charges. After initial recognition, trading securities are measured at original cost less provision for diminution in value of trading securities. Upon the liquidation or transfer, cost of trading securities is determined using weighted average method.

Investments held to maturity comprise term deposits (including treasury bills and promissory notes), bonds, preference shares which the issuer is required to repurchase at a certain time in the future and loans, etc. held to maturity to earn profits periodically and other held to maturity investments.

Investments in subsidiaries, associates are initially recognized at original cost. After initial recognition, the value of these investments is measured at original cost less provision for devaluation of investments.

Equity Investments in other entities comprise investments in equity instruments of other entities without having control, joint control, or significant influence on the investee. These investments are initially stated at original cost. After initial recognition, these investments are measured at original cost less provision for devaluation of investments.

Provision for devaluation of investments is made at the end of the period as followings:

- With regard to investments in trading securities: the provision shall be made on the basis of the excess of original cost of the investments recorded in the accounting book over their market value at the provision date;
- With regard to investments in subsidiaries, associates: the provision for loss investments shall be made based on the Separate Financial Statements of subsidiaries, associates at the provision date;
- With regard to long-term investments (other than trading securities) without significant influence on the investee: If the investment is made in listed shares or the fair value of the investment is determined reliably, the provisions shall be made on the basis of the market value of the shares; if the fair value of the investment is not determined at the reporting date, the provision shall be made based on the Financial Statements at the provision date of the investee;
- With regard to investments held to maturity: the provision for doubtful debts shall be made based on the recovery capacity in accordance with statutory regulations.

2.9 . Receivables

The receivables shall be recorded in details in terms of due date, entities receivable, types of currency and other factors according to requirements for management of the Company. The receivables shall be classified into short-term receivables or long-term receivables on the Interim Separate Financial statements according to their remaining terms at the reporting date.

The provision for doubtful debts is made for receivables that are overdue under an economic contract, a loan agreement, a contractual commitment or a promissory note and for receivables that are not due but difficult to be recovered. Accordingly, the provisions for overdue debts shall be based on the due date stipulated in the initial sale contract, exclusive of the debt rescheduling between contracting parties and the case where the debts are not due but the debtor is in bankruptcy, in dissolution, or missing and making fleeing or estimating the possible losses.

2.10 . Inventories

Inventories are initially recognized at original cost including purchase price, processing cost and other costs incurred in bringing the inventories to their location and condition at the time of initial recognition. After initial recognition, at the reporting date, inventories are stated at the lower of cost and net realizable value.

Net realizable value is estimated based on the selling price of the inventory minus the estimated costs for completing the products and the estimated costs needed for their consumption.

The cost of inventory is calculated using weighted average method.

Inventory is recorded by perpetual method.

Method for valuation of work in process at the end of the period: Work-in-progress costs are accumulated for each unfinished project or those not yet recognized as revenue, corresponding to the volume of work remaining at the end of the period.

Provision for devaluation of inventories made at the end of the period is based on the excess of original cost of inventory over their net realizable value.

2.11 . Fixed assets and Finance lease fixed assets

Fixed assets (tangible and intangible) are initially stated at the historical cost. During the using time, fixed assets (tangible and intangible) are recorded at cost, accumulated depreciation and carrying amount.

Subsequent measurement after initial recognition

If these costs augment future economic benefits obtained from the use of tangible fixed assets are extended to their initial standards conditions, these costs are capitalized as an incremental in their historical cost.

Other costs incurred after tangible fixed assets have been put into operation such as repair, maintenance and overhaul costs are recognized in the Separate Statement of Income in the period in which the costs are incurred.

Fixed assets are depreciated (amortised) using the straight-line method over their estimated useful lives as follows:

- Buildings, structures	05 - 30 years
- Machine, equipment	05 - 10 years
- Vehicles, Transportation equipment	06 - 10 years
- Office equipment and furniture	03 - 05 years
- Land use rights	20 - 50 years
- Management software	03 - 05 years

2.12 . Investment properties

Investment properties are initially recognised at historical cost.

Investment properties held for operating lease are recorded at cost, accumulated depreciation and carrying amount. Investment properties are depreciated using the straight-line method with expected useful life as follows:

- Buildings, structures	05 - 30 years
- Land use rights	05 - 30 years

2.13 . Construction in progress

Construction in progress includes fixed assets which is being purchased and constructed as at the balance sheet date and is recognised in historical cost. This includes costs of construction, installation of equipment and other direct costs.

2.14 . Operating lease

Operating leases is fixed asset leasing in which a significant portion of the risks and rewards of ownership are retained by the lessor. Payments made under operating leases are charged to income statement on a straight-line basis over the period of the lease.

2.15 . Prepaid expenses

The expenses incurred but related to operating results of several accounting periods are recorded as prepaid expenses and are allocated to the operating results in the following accounting periods.

The calculation and allocation of long-term prepaid expenses to operating expenses in each accounting period should be based on the nature of those expenses to select a reasonable allocation method and criteria.

Types of prepaid expenses include: Other prepaid expenses, which are recognized at their original cost and amortized on a straight-line basis over their useful life, ranging from 12 to 36 months.

2.16 . Payables

The payables shall be recorded in details in terms of due date, entities payable, types of currency and other factors according to the requirements for management of the Company. The payables shall be classified into short-term payables or long-term payables on the Interim Separate Financial statements according to their remaining terms at the reporting date.

2.17 . Borrowings

Borrowings and finance lease liabilities shall be recorded in details in terms of lending entities, loan agreement and terms of borrowings and finance lease liabilities. In case of borrowings or liabilities denominated in foreign currency, they shall be recorded in details in terms of types of currency.

2.18 . Borrowing costs

Borrowing costs are recognized into operating costs during the period, except for which directly attributable to construction or production of unfinished asset included (capitalized) in the cost of that asset, when gather sufficient conditions as regulated in VAS No. 16 "Borrowing costs". Beside, regarding loans serving the construction of fixed assets, investment properties, and the interests shall be capitalized even if the construction duration is under 12 months.

2.19 . Owner's equity

Owner's equity is stated at actually contributed capital of owners.

Share premium is recorded at the difference between the par value with costs directly attributable to the issuance of shares and issue price of shares (including the case of re-issuing treasury shares) and can be a positive premium (if the issue price is higher than par value and costs directly attributable to the issuance of shares) or negative premium (if the issue price is lower than par value and costs directly attributable to the issuance of shares).

Other capital is the operating capital formed from the operating results or from gifts, presents, financing, assets revaluation (if these items are allowed to be recorded as a decrease or increase in the owner's equity).

Treasury shares bought before the effective date of the Securities Law 2019 (January 1, 2021) are shares issued by the Company and bought-back by itself, but these are not cancelled and may be re-issued subsequently in accordance with the Law on Securities. Treasury shares bought after January 1, 2021 will be cancelled and adjusted to reduce equity.

Retained earnings are used to present the Company's operating results (profit, loss) after corporate income tax and profits appropriation or loss handling of the Company.

Dividends to be paid to shareholders are recognised as a payable in Statement of Financial position after the announcement of dividend payment from the Board of Directors and announcement of cut-off date for dividend payment of Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation.

2.20 . Revenues

Revenue is recognized to extent that it is probable that the economic benefits will flow to the Company and the revenue can be reliably measures regardless of when payment is being made. Revenue is measured at the fair value of the consideration received, excluding discounts, rebates, and sales returns. The following specific recognition conditions must also be met when recognizing revenue:

Revenue from sale of goods

- The majority of risks and benefits associated with the right to own the products or goods have been transferred to the buyer;
- The company no longer holds the right to manage the goods as the goods owner, or the right to control the goods.

Revenue from rendering of services:

- The percentage of completion of the transaction at the Balance sheet date can be measured reliably.

Financial income

Financial incomes include income from interest, dividends and other financial gains by the company shall be recognised when the two conditions are satisfied:

- It is probable that the economic benefits associated with the transaction will flow to the entity;
- The amount of the revenue can be measured reliably.

Dividend income shall be recognised when the Company is entitled to receive dividends or profits from capital contributions.

2.21 . Revenue deductions

Revenue deductions from sales and service provisions arising in the period include: Sales allowances.

Sales allowances incurred in the same period of consumption of products, goods and services are adjusted a decrease in revenue in the incurring period. In case products, goods and services are sold from the previous period, until the next period are incurred deductible items, Company records a decrease in revenue under the principles: If incurred prior to the issuance of Separate Interim Financial Statements then record a decrease in revenue on the Separate Interim Financial statements of the reporting period (the previous period); and if incurred after the release of Separate Interim Financial statements then record a decrease in revenue of incurring period (the next period).

2.22 . Cost of goods sold and services rendered

Cost of goods sold and services rendered are cost of finished goods, merchandises, materials sold or services rendered during the period, and recorded on the basis of matching with revenue and on a prudence basis. Cases of loss of materials and goods exceeded the norm, labour cost and fixed manufacturing overheads not allocated to the value of inventory, provision for devaluation of inventory, abnormal expenses and losses of inventories after deducting the responsibility of collective and individuals concerned, etc. is recognized fully and promptly into cost of goods sold in the period even when products and goods have not been determined as sold.

2.23 . Financial expenses

Items recorded into financial expenses comprise:

- Expenses or losses relating to financial investment activities;
- Borrowing costs;
- Losses from the disposal and transfer of short-term securities, transaction cost of selling securities;
- Provision for diminution in value of trading securities price; provision for losses from investment in other entities, losses from sale of foreign currency, exchange loss, etc.

The above items are recorded by the total amount arising in the year without offsetting against financial income.

2.24 . Corporate income tax**a) Current corporate income tax expenses**

Current corporate income tax expenses are determined based on taxable income during the year and current corporate income tax rate.

b) Current corporate income tax rate

The Company is subject to corporate income tax of 20% for the period from 01/01/2025 to 30/06/2025.

2.25 . Related Parties

The parties are regarded as related parties if that party has the ability to control or significantly influence the other party in making decisions about the financial policies and activities. The Company's related parties include:

- Companies, directly or indirectly through one or more intermediaries, having control over the Company or being under the control of the Company, or being under common control with the Company, including the Company's parent, subsidiaries and associates;
- Individuals, directly or indirectly, holding voting power of the Company that have a significant influence on the Company, key management personnel including directors and employees of the Company, the close family members of these individuals;
- Enterprises that the above-mentioned individuals directly or indirectly hold an important part of the voting power or have significant influence on these enterprises.

In considering the relationship of related parties to serve for the preparation and presentation of Interim Separate Financial statements, the Company should consider the nature of the relationship rather than the legal form of the relationship.

Details of related party transactions are presented in the Interim Consolidated Financial Statements for the accounting period from January 1, 2025 to June 30, 2025 published by the Company together with the Interim Consolidated Financial Statements and the Interim Separate Financial Statements for the accounting period from January 1, 2025 to June 30, 2025.

TAN BINH CULTURE JOINT STOCK COMPANY

Lot II-3, Group CN 2, Street No. 11, Tan Binh
Industrial Park, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City

Interim Separate Financial statements

For the period from 01/01/2025 to 30/06/2025

2.26 . Segment information

A segment is a distinguishable component of the Company that is engaged in providing an individual or group of related products or services (business segment), or providing products or services within a particular economic environment (geographical segment). Each segment is subject to risks and returns that are different from other components.

Segment information should be prepared in conformity with the accounting policies adopted for preparing and presenting the financial statements of the Company in order to help users of financial statements better understand and make more informed judgements about the Company as a whole.

3 . CASH AND CASH EQUIVALENTS

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Cash on hand	296,484,304	26,624,663
Demand deposits	3,465,165,608	1,633,722,435
Cash equivalents (*)	2,000,000,000	2,000,000,000
	<u>5,761,649,912</u>	<u>3,660,347,098</u>

(*) As at 30/06/2025, the cash equivalents are deposits with term of 03 months with the amount of VND 2,000,000,000 at Asia Commercial Joint Stock Bank with an interest rate of 4.5%/year..

TAN BINH CULTURE JOINT STOCK COMPANY

Interim Separate Financial statements
For the period from 01/01/2025 to 30/06/2025

Lot II-3, Group CN 2, Street No. 11, Tan Binh Industrial Park, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City

4 . FINANCIAL INVESTMENTS

b) Held to maturity investments

	30/06/2025		01/01/2025	
	Original cost	Provision	Original cost	Provision
	VND	VND	VND	VND
- Term deposits	44,962,591,378	-	44,312,176,005	-
	44,962,591,378	-	44,312,176,005	-

(*) As at June 30, 2025, the Company's term deposits at commercial banks amounted to VND 44,962,591,378, with maturities from 6 months to 12 months and bearing annual interest rates ranging from 2.8%/year to 6.1%/year.

b) Trading securities

	30/06/2025		01/01/2025	
	Original cost	Fair value	Original cost	Provision
	VND	VND	VND	VND
<i>Shares of An Gia Real Estate Investment and Development Joint Stock Company (AGG)</i>	90,540,000	61,343,750	90,540,000	(32,405,000)
<i>Shares of IDICO Corporation JSC (IDC)</i>	394,400,000	374,753,474	394,400,000	-
<i>Shares of Vincom Retail Joint Stock Company (VRE)</i>	117,500,000	124,000,000	117,500,000	(31,750,000)
<i>Shares of Dong Hai Joint Stock Company of Ben Tre (DHC)</i>	109,500,000	69,375,000	109,500,000	(15,250,000)
<i>Others</i>	13,609,276	16,262,750	13,609,276	(1,609,775)
	725,549,276	645,734,974	725,549,276	(81,014,775)

The fair value of trading securities is determined according to the closing prices of these securities on HNX and HOSE on December 31, 2024 and June 30, 2025.

TAN BINH CULTURE JOINT STOCK COMPANY

Lot II-3, Group CN 2, Street No. 11, Tan Binh Industrial Park, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City

Interim Separate Financial statements
For the period from 01/01/2025 to 30/06/2025

c) Investments in equity of other entities

	30/06/2025			01/01/2025		
	Original cost	Fair value	Provision	Original cost	Fair value	Provision
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Investments in subsidiaries	45,000,000,000		(12,856,442,758)	45,000,000,000		(13,267,202,693)
- Au Lac Plastic Technology Engineering Applications Company Limited	20,000,000,000		-	20,000,000,000		-
- Au Lac Technology Applications And Media Company Limited	20,000,000,000		(12,856,442,758)	20,000,000,000		(10,598,457,222)
- Au Lac Software Development Company Limited	5,000,000,000		-	5,000,000,000		(2,668,745,471)
Investments in joint ventures	7,520,000,000		-	7,520,000,000		-
- Au Lac Trading Advertising Printing Joint Stock Company	7,520,000,000		-	7,520,000,000		-
Investments in other entities	159,699,200	226,566,000	-	159,699,200	226,566,000	-
- Dong Nai Pharmaceutical Joint Stock Company - DPP (11,052 shares) ⁽¹⁾	100,199,200	226,566,000	-	100,199,200	226,566,000	-
- Le Hoa Corporation (5,450 shares) ⁽²⁾	59,500,000		-	59,500,000		-
	52,679,699,200	226,566,000	(12,856,442,758)	52,679,699,200	226,566,000	(13,267,202,693)

(1) The fair value of financial investments are closing price listed on HNX, HOSE and UPCOM on 31 December 2024 and 30 June 2025.

(2) The Company has not determined the fair value of financial investments since Vietnam Accounting Standards and Vietnam Corporate Accounting System has not had any detailed guidance on the determination of the fair value.

TAN BINH CULTURE JOINT STOCK COMPANY

Lot II-3, Group CN 2, Street No. 11, Tan Binh
Industrial Park, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City

Interim Separate Financial statements
For the period from 01/01/2025 to 30/06/2025

5 . SHORT-TERM TRADE RECEIVABLES

	30/06/2025		01/01/2025	
	Value	Provision	Value	Provision
	VND	VND	VND	VND
<i>Related parties</i>	<i>11,058,552,474</i>	-	<i>3,471,145,175</i>	-
- Au Lac Technology Applications and Media Company Limited	1,122,952,860	-	319,118,357	-
- Au Lac Plastic Technology Engineering Applications Company Limited	9,935,599,614	-	2,794,846,886	-
- Au Lac Software Development Company Limited	-	-	357,179,932	-
<i>Others</i>	<i>17,562,580,595</i>	<i>(221,296,345)</i>	<i>42,165,982,376</i>	<i>(221,296,345)</i>
- Hai Ha Packaging JSC	14,266,841,604	-	24,588,505,938	-
- Department of Information and Communications of Hau Giang Province	-	-	10,572,188,389	-
- Other customers	3,295,738,991	(221,296,345)	7,005,288,049	(221,296,345)
	<u>28,621,133,069</u>	<u>(221,296,345)</u>	<u>45,637,127,551</u>	<u>(221,296,345)</u>

6 . SHORT-TERM PREPAYMENTS TO SUPPLIERS

	30/06/2025		01/01/2025	
	Value	Provision	Value	Provision
	VND	VND	VND	VND
<i>Related parties</i>	<i>1,813,520,646</i>	-	-	-
- Au Lac Technology Applications and Media Company Limited	73,436,024	-	-	-
- Au Lac Plastic Technology Engineering Applications Company Limited	1,740,084,622	-	-	-
<i>Others</i>	<i>13,128,291,401</i>	-	<i>11,621,786,387</i>	-
- Nova Homes Trading Joint Stock Company	8,284,718,612	-	8,284,718,612	-
- Novareal Joint Stock Company	2,612,265,248	-	2,612,265,248	-
- Others	2,231,307,541	-	724,802,527	-
	<u>14,941,812,047</u>	<u>-</u>	<u>11,621,786,387</u>	<u>-</u>

TAN BINH CULTURE JOINT STOCK COMPANY

Lot II-3, Group CN 2, Street No. 11, Tan Binh Industrial Park, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City

Interim Separate Financial statements
For the period from 01/01/2025 to 30/06/2025

7 . LOAN RECEIVABLES

	01/01/2025		During the period		30/06/2025	
	Value	Provision	Increase	Decrease	Value	Provision
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Short-term						
<i>Related parties</i>						
- Au Lac Technology Applications And Media Company Limited ⁽¹⁾	6,960,000,000	-	-	2,910,000,000	4,050,000,000	-
- Au Lac Plastic Technology Engineering Applications Company Limited ⁽²⁾	3,000,000,000	-	-	-	3,000,000,000	-
	<u>9,960,000,000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>2,910,000,000</u>	<u>7,050,000,000</u>	<u>-</u>
b) Long-term						
<i>Related parties</i>						
- Au Lac Technology Applications And Media Company Limited ⁽³⁾	24,700,000,000	-	700,000,000	3,700,000,000	21,700,000,000	-
- Au Lac Plastic Technology Engineering Applications Company Limited ⁽⁴⁾	-	-	2,500,000,000	-	2,500,000,000	-
	<u>24,700,000,000</u>	<u>-</u>	<u>3,200,000,000</u>	<u>3,700,000,000</u>	<u>24,200,000,000</u>	<u>-</u>
Amounts due to be received within 12 months	-	-	-	-	-	-
Amounts due to be received after 12 months	<u>24,700,000,000</u>	<u>-</u>			<u>24,200,000,000</u>	<u>-</u>

TAN BINH CULTURE JOINT STOCK COMPANY

Lot II-3, Group CN 2, Street No. 11, Tan Binh Industrial Park, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City

Interim Separate Financial statements
for the period from 01/01/2025 to 30/06/2025

Detailed information on short-term loan:

No	Lender	Contract No	Total Loan Amount (VND)	Interest rate	Loan term	Principal outstanding as at June 30, 2025 (VND)	Loan purpose	Guaranteed method
1	(1) Au Lac Technology	01/08/2023 HĐCVV	2,000,000,000	3%/year	Until 03/08/2025	1,600,000,000	Supplement working capital	Unsecured loans
2	Applications And Media	01/11/2023 HĐCVV	2,000,000,000	3%/year	Until 09/11/2025	1,450,000,000	Supplement working capital	Unsecured loans
3	Company Limited	02/11/2023 HĐCVV	1,000,000,000	3%/year	Until 09/05/2026	1,000,000,000	Supplement working capital	Unsecured loans
Total						4,050,000,000		
1	(2) Au Lac Plastic Technology Engineering Applications Company	01/05/2023/HĐVV	5,500,000,000	3.5%/year	Until 24/05/2026	3,000,000,000	Supplement working capital	Unsecured loans
Total						3,000,000,000		

Detailed information on long-term loan:

No	Lender	Contract No	Total Loan Amount (VND)	Interest rate	Loan term	Principal outstanding as at June 30, 2025 (VND)	Loan purpose	Guaranteed method
1	(3) Au Lac Technology Applications And Media Company Limited	01/05/HĐCVV-2024	3,000,000,000	5.5%/year	Until 09/05/2026	3,000,000,000	Supplement working capital	Unsecured loans
2		01/06/HĐCVV-2024	4,000,000,000	3%/year	Until 07/06/2026	4,000,000,000	Supplement working capital	Unsecured loans
3		01/07/HĐCVV-2024	10,000,000,000	3%/year	Until 16/07/2027	10,000,000,000	Supplement working capital	Unsecured loans
4		01/08/HĐCVV-2024	2,000,000,000	3%/year	Until 19/08/2026	2,000,000,000	Supplement working capital	Unsecured loans
5		01/09/HĐCVV-2024	2,000,000,000	3%/year	Until 10/09/2026	2,000,000,000	Supplement working capital	Unsecured loans
7		01/03/HĐCVV-2025	700,000,000	3%/year	Until 14/03/2028	700,000,000	Supplement working capital	Unsecured loans
Total						21,700,000,000		
1	(4) Au Lac Plastic Technology Engineering Applications Company Limited	01/06/HĐCVV-2025	2,500,000,000	3%/year	Until 27/06/2028	2,500,000,000	Supplement working capital	Unsecured loans
Total						2,500,000,000		

TAN BINH CULTURE JOINT STOCK COMPANY

Lot II-3, Group CN 2, Street No. 11, Tan Binh
Industrial Park, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City

Interim Separate Financial statements

For the period from 01/01/2025 to 30/06/2025

8 . OTHER RECEIVABLES

		30/06/2025		01/01/2025	
		Value	Provision	Value	Provision
		VND	VND	VND	VND
a)	Short-term				
a1)	Details by content				
	Receivables from dividends and profit	451,200,000	-	-	-
	Mortgages	36,637,436	-	36,637,436	-
	Others	92,534,550	-	96,151,759	-
		<u>580,371,986</u>	<u>-</u>	<u>132,789,195</u>	<u>-</u>
a2)	Details by object				
	Related parties	451,200,000	-	-	-
	Au Lac Trading Advertising Printing Joint Stock Company	451,200,000	-	-	-
	Others	129,171,986	-	132,789,195	-
	Others	129,171,986	-	132,789,195	-
		<u>580,371,986</u>	<u>-</u>	<u>132,789,195</u>	<u>-</u>
b)	Long-term				
	Details by content				
	Mortgages	1,000,000	-	1,000,000	-
		<u>1,000,000</u>	<u>-</u>	<u>1,000,000</u>	<u>-</u>

9 . DOUBTFUL DEBTS

		30/06/2025		01/01/2025	
		Original cost	Recoverable value	Original cost	Recoverable value
		VND	VND	VND	VND
Total value of receivables and debts that are overdue or not due but difficult to be recovered:					
-	Phuong Nam Retail Company Limited	84,428,747	-	84,428,747	-
-	Nhan Van Cultural Joint Stock Company	35,345,200	-	35,345,200	-
-	Nguyen Van Cu Bookstore 1	19,426,500	-	19,426,500	-
-	Others	82,095,898	-	82,095,898	-
		<u>221,296,345</u>	<u>-</u>	<u>221,296,345</u>	<u>-</u>

TAN BINH CULTURE JOINT STOCK COMPANY

Lot II-3, Group CN 2, Street No. 11, Tan Binh
Industrial Park, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City

Interim Separate Financial statements

For the period from 01/01/2025 to 30/06/2025

10 . INVENTORIES

	30/06/2025		01/01/2025	
	Original cost	Provision	Original cost	Provision
	VND	VND	VND	VND
Raw material	414,982,450	-	1,176,096,571	-
Tools, supplies	-	-	355,781,181	-
Work in process	-	-	2,717,527,845	-
Finished goods	-	-	321,107,254	-
Goods	1,003,538,274	-	-	-
	<u>1,418,520,724</u>	<u>-</u>	<u>4,570,512,851</u>	<u>-</u>

11 . LONG-TERM ASSET IN PROGRESS

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Construction in progress	2,073,222,677	2,038,285,677
- Fire protection system installation project for the Solar Power System	1,212,730,307	1,212,730,307
- Fire protection system installation project at 91B Phan Van Hai	650,870,370	650,870,370
- Parking lot at Celadon, location (A5b) B2.242	209,622,000	174,685,000
Procurement of fixed assets	96,696,000	96,696,000
- Design cost for Fast Business software	96,696,000	96,696,000
	<u>2,169,918,677</u>	<u>2,134,981,677</u>

TAN BINH CULTURE JOINT STOCK COMPANY

Interim Separate Financial statements

Lot II-3, Group CN 2, Street No. 11, Tan Binh Industrial Park, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City

For the period from 01/01/2025 to 30/06/2025

12 . TANGIBLE FIXED ASSETS

	Buildings, structures	Machinery, equipment	Transportation equipment	Management equipment	Total
	VND	VND	VND	VND	VND
Historical cost					
Beginning balance	35,947,028,806	5,499,250,472	3,836,446,945	1,174,743,275	46,457,469,498
- Purchase in the period	-	-	-	1,248,400,000	1,248,400,000
- Liquidation, disposal	-	(1,628,000,000)	-	-	(1,628,000,000)
Ending balance of the period	35,947,028,806	3,871,250,472	3,836,446,945	2,423,143,275	46,077,869,498
Accumulated depreciation					
Beginning balance	26,706,811,181	4,114,573,377	2,459,441,585	1,174,743,275	34,455,569,418
- Depreciation in the period	1,405,342,625	257,263,074	210,708,870	208,066,668	2,081,381,237
- Liquidation, disposal	-	(1,555,777,774)	-	-	(1,555,777,774)
Ending balance of the period	28,112,153,806	2,816,058,677	2,670,150,455	1,382,809,943	34,981,172,881
Net carrying amount					
Beginning balance	9,240,217,625	1,384,677,095	1,377,005,360	-	12,001,900,080
Ending balance	7,834,875,000	1,055,191,795	1,166,296,490	1,040,333,332	11,096,696,617

In which:

- Cost of fully depreciated tangible fixed assets but still in use at the end of the period: VND 10,859,037,140.

TAN BINH CULTURE JOINT STOCK COMPANY

Lot II-3, Group CN 2, Street No. 11, Tan Binh
Industrial Park, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City

Interim Separate Financial statements

For the period from 01/01/2025 to 30/06/2025

13 . INTANGIBLE FIXED ASSETS

	Land use rights	Computer software	Total
	VND	VND	VND
Historical cost			
Beginning balance	6,237,885,093	834,752,904	7,072,637,997
Ending balance of the period	<u>6,237,885,093</u>	<u>834,752,904</u>	<u>7,072,637,997</u>
Accumulated depreciation			
Beginning balance	2,876,150,542	498,202,904	3,374,353,446
- Depreciation for the period	74,705,208	38,100,000	112,805,208
Ending balance of the period	<u>2,950,855,750</u>	<u>536,302,904</u>	<u>3,487,158,654</u>
Net carrying amount			
Beginning balance	3,361,734,551	336,550,000	3,698,284,551
Ending balance	<u>3,287,029,343</u>	<u>298,450,000</u>	<u>3,585,479,343</u>

In which:

- Cost of fully amortized intangible fixed assets but still in use at the end of the period: VND 453,752,904.

14 . INVESTMENT PROPERTIES

The Company's investment property is the Alta Plaza building, located on Pham Van Hai Street, Tan Son Hoa Ward, Ho Chi Minh City, which is used for leasing purposes. The original cost as at 01 January 2025 and 30 June 2025 was VND 51,544,546,189; the accumulated depreciation as at 01 January 2025 and 30 June 2025 was VND 27,069,525,934 and VND 27,432,196,846, respectively, with depreciation expense for the period amounting to VND 362,670,912.

The Company's investment property held for capital appreciation is apartment B3.10.05 at the Diamond Brilliant Complex under the Celadon City Project, Tan Son Nhi Ward, Ho Chi Minh City, with a historical cost of VND 6,008,273,699 as at June 30, 2025.

The fair value of the investment property has not been officially assessed and determined as at 30 June 2025. However, based on rental conditions and the market price of these properties, the Company's Board of General Directors believes that the fair value of the investment properties exceeds their carrying value as at the end of the accounting period.

Revenue from investment property leasing activities arising in the first 6 months of 2025 is presented in Note 22 – Revenue from Sales of Goods and Rendering of Services, and the future rental income expected from lease agreements is disclosed in Note 21 – Off Statement of Financial position items and operating lease commitment.

15 . PREPAID EXPENSES

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Short-term		
Vehicle body insurance	8,098,787	32,395,151
	<u>8,098,787</u>	<u>32,395,151</u>
b) Long-term		
Repair expenses of assets pending allocation	181,855,562	292,586,930
	<u>181,855,562</u>	<u>292,586,930</u>

TAN BINH CULTURE JOINT STOCK COMPANY

Lot II-3, Group CN 2, Street No. 11, Tan Binh
Industrial Park, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City

Interim Separate Financial statements

For the period from 01/01/2025 to 30/06/2025

16 . SHORT-TERM TRADE PAYABLES

	30/06/2025		01/01/2025	
	Outstanding balance	Amount can be paid	Outstanding balance	Amount can be paid
	VND	VND	VND	VND
<i>Related parties</i>	<i>1,003,125,690</i>	<i>1,003,125,690</i>	<i>3,476,535,690</i>	<i>3,476,535,690</i>
- Au Lac Technology Applications and Media Company Limited	-	-	1,183,410,000	1,183,410,000
- Au Lac Software Development Company Limited	1,003,125,690	1,003,125,690	2,293,125,690	2,293,125,690
<i>Others</i>	<i>2,391,637,895</i>	<i>2,391,637,895</i>	<i>7,843,974,590</i>	<i>7,843,974,590</i>
- TWT Applied Technology and Services Pte Ltd	22,609,273	22,609,273	3,267,564,084	3,267,564,084
- Tan Thuan Thien Packaging Production Company Limited	-	-	2,985,687,087	2,985,687,087
- Thuong Pham Company Limited	436,500,000	436,500,000	-	-
- Others	1,932,528,622	1,932,528,622	1,590,723,419	1,590,723,419
	<u>3,394,763,585</u>	<u>3,394,763,585</u>	<u>11,320,510,280</u>	<u>11,320,510,280</u>

TAN BINH CULTURE JOINT STOCK COMPANY

Lot II-3, Group CN 2, Street No. 11, Tan Binh Industrial Park, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City

Interim Separate Financial statements
For the period from 01/01/2025 to 30/06/2025

17 . TAX AND OTHER PAYABLES TO THE STATE BUDGET

	Receivable at the opening period	Payable at the opening period	Payable arise in the period	Amount paid in the period	Receivable at the closing period	Payable at the closing period
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Value added tax	-	277,077,165	768,781,899	964,743,470	-	81,115,594
Corporate income tax	-	148,775,918	-	161,637,990	-	(12,862,072)
Personal income tax	-	57,850,150	47,198,855	113,403,543	-	(8,354,538)
Land tax and land rental	-	-	21,620,048	21,620,048	-	-
Fees and other obligations	-	-	16,561,425	16,561,425	-	-
	-	483,703,233	854,162,227	1,277,966,476	-	59,898,984

The Company's tax settlements are subject to examination by the tax authorities. Because the application of tax laws and regulations on many types of transactions is susceptible to varying interpretations, amounts reported in the financial statements could be changed at a later date upon final determination by the tax authorities.

18 . SHORT-TERM OTHER PAYABLES

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Trade union fund	15,391,760	-
- Social insurance	2,101,810	736,985
- Short-term deposits, collateral received	7,317,182,872	7,290,182,872
- Dividend, profit payables	60,386,030	60,386,030
- Executive Bonus	420,915,454	420,915,454
- Fund Payable to Employees	1,016,597,442	1,016,597,442
- Mrs. Tran Thi Hue	-	6,778,000,000
- Others	23,952,102	-
	8,856,527,470	15,566,818,783

TAN BINH CULTURE JOINT STOCK COMPANY

Lot II-3, Group CN 2, Street No. 11, Tan Binh Industrial Park, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City

Interim Separate Financial statements
For the period from 01/01/2025 to 30/06/2025

19 . BORROWINGS AND FINANCE LEASE LIABILITIES

	01/01/2025				During the period		30/06/2025	
	Outstanding balance	Amount can be paid		VND	Increase	Decrease	Outstanding balance	Amount can be paid
				VND	VND	VND	VND	VND
a) Short-term borrowings								
- Short-term borrowings	3,018,120,000	3,018,120,000			3,157,523,380	6,175,643,380	-	-
- Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam – Tan Binh Branch	3,018,120,000	3,018,120,000			3,157,523,380	6,175,643,380	-	-
- Current portion of long-term borrowings	1,456,083,454	1,456,083,454			-	-	1,456,083,454	1,456,083,454
- Vietnam Prosperity Joint Stock Commercial Bank – Gia Dinh Branch (*)	1,456,083,454	1,456,083,454			-	-	1,456,083,454	1,456,083,454
	<u>4,474,203,454</u>	<u>4,474,203,454</u>			<u>3,157,523,380</u>	<u>6,175,643,380</u>	<u>1,456,083,454</u>	<u>1,456,083,454</u>
b) Long-term borrowings								
- Vietnam Prosperity Joint Stock Commercial Bank – Gia Dinh Branch (*)	1,456,083,454	1,456,083,454			-	-	1,456,083,454	1,456,083,454
	<u>1,456,083,454</u>	<u>1,456,083,454</u>			<u>-</u>	<u>-</u>	<u>1,456,083,454</u>	<u>1,456,083,454</u>
Amount due for settlement within 12 months	(1,456,083,454)	(1,456,083,454)			-	-	(1,456,083,454)	(1,456,083,454)
Amount due for settlement after 12 months	-	-			-	-	-	-
	<u>-</u>	<u>-</u>			<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

Detailed information on long-term borrowings:

(*) Credit Agreement No. EGD/22239 dated 18/07/2022 between the Company and Vietnam Prosperity Joint Stock Commercial Bank – Gia Dinh Branch, with the following detailed terms:

- + Borrowings amount: 1,800,000,000 VND;
- + Borrowings purpose: Deposit payment according to Agreement No. VTV.4-19.06/2019/VBTT/NVH-VHTB;
- + Contract term: 36 months;
- + Interest rate: determined according to each specific credit contract;
- + The outstanding principal balance at the end of the period is VND 1,456,083,454, in which current portion of long-term borrowings is VND 1,456,083,454.
- + Forms of borrowings security: Mortgage with assets formed from the loan is apartment VTV.4 - 19.06 in the residential area in Cat Lai ward, Ho Chi Minh City and has been fully registered as a security transaction.

TAN BINH CULTURE JOINT STOCK COMPANY

Lot II-3, Group CN 2, Street No. 11, Tan Binh Industrial Park, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City

Interim Separate Financial statements
For the period from 01/01/2025 to 30/06/2025

20 . OWNER'S EQUITY

a) Changes in owner's equity

	Contributed capital	Share capital surplus	Other owner's equity	Treasury stocks	Investment and development funds	Retained earnings	Total
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Beginning balance of previous period	61,725,230,000	137,662,054,443	2,140,945,047	(11,666,581,607)	2,243,857,861	11,542,637,402	203,648,143,146
Loss for previous period	-	-	-	-	-	(1,604,887,006)	(1,604,887,006)
Ending balance of previous period	61,725,230,000	137,662,054,443	2,140,945,047	(11,666,581,607)	2,243,857,861	9,937,750,396	202,043,256,140
Beginning balance of current year	61,725,230,000	137,662,054,443	2,140,945,047	(11,666,581,607)	2,243,857,861	6,938,401,960	199,043,907,704
Profit for current period	-	-	-	-	-	247,831,499	247,831,499
Ending balance of this period	61,725,230,000	137,662,054,443	2,140,945,047	(11,666,581,607)	2,243,857,861	7,186,233,459	199,291,739,203

TAN BINH CULTURE JOINT STOCK COMPANY

Lot II-3, Group CN 2, Street No. 11, Tan Binh
Industrial Park, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City

Interim Separate Financial statements

For the period from 01/01/2025 to 30/06/2025

b) Details of owner's invested capital

	Rate	30/06/2025	Rate	01/01/2025
	(%)	VND	(%)	VND
ACB Real Estate Joint Stock Company	17.03	10,512,440,000	17.03	10,512,440,000
Liksin Industry - Printing - Packing Corporation	12.32	7,602,110,000	12.32	7,602,110,000
Mr. Hoang Van Dieu	9.43	5,820,000,000	9.43	5,820,000,000
Mr. Hoang Minh Anh Tu	9.08	5,605,950,000	9.08	5,605,950,000
Mrs. Lai Thi Hong Diep	5.77	3,558,630,000	5.77	3,558,630,000
Mr. Hoang Minh Anh Tai	0.00	-	4.57	2,821,000,000
Mr. La The Nhan	4.79	2,955,500,000	4.79	2,955,500,000
Others	34.53	21,312,460,000	29.96	18,491,460,000
Treasury stock	7.06	4,358,140,000	7.06	4,358,140,000
	100	61,725,230,000	100	61,725,230,000

c) Capital transactions with owners and distribution of dividends and profits

	The first 6 months of 2025	The first 6 months of 2024
	VND	VND
Owner's contributed capital	61,725,230,000	61,725,230,000
- At the beginning of period	61,725,230,000	61,725,230,000
- At the ending of period	61,725,230,000	61,725,230,000
Distributed dividends and profit:		
- Dividend payable at the beginning of the period	60,386,030	60,386,030
- Dividend payable at the end of the period	60,386,030	60,386,030

d) Shares

	30/06/2025	01/01/2025
Quantity of Authorized issuing shares	6,172,523	6,172,523
Quantity of issued shares	6,172,523	6,172,523
- Common shares	6,172,523	6,172,523
Quantity of shares repurchased (treasury shares)	435,814	435,814
- Preference shares (classified as equity)	435,814	435,814
Quantity of outstanding shares in circulation	5,736,709	5,736,709
- Common shares	6,172,523	6,172,523
- Preference shares (classified as equity)	(435,814)	(435,814)
Par value per share (VND)	10,000	10,000

e) Company's funds

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Investment and development fund	2,243,857,861	2,243,857,861
	2,243,857,861	2,243,857,861

TAN BINH CULTURE JOINT STOCK COMPANY

Lot II-3, Group CN 2, Street No. 11, Tan Binh
Industrial Park, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City

Interim Separate Financial statements
For the period from 01/01/2025 to 30/06/2025

21 OFF STATEMENT OF FINANCIAL POSITION ITEMS AND OPERATING LEASE COMMITMENT
a) Operating asset for leasing

The Company is the lessor under operating lease contracts. As at 30 June 2025, total future minimum lease income under irrevocable operating lease contracts are presented as follows:

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Under 1 year	7,843,979,727	15,415,096,277
	<u>7,843,979,727</u>	<u>15,415,096,277</u>

b) Operating leased assets

The Company has been leased several land lots in Ho Chi Minh City by the State for business operations, with annual land rental payments in accordance with current State regulations. Specific details are as follows:

No	Location	Area	Lease term
1	No. 284-286 Hoang Van Thu Street, Tan Son Nhat Ward, Ho Chi Minh City	121,7 m ²	48 years from August 31, 1998, to January 1, 2046
2	No. 654 Truong Chinh Street, Tan Son Nhat Ward, Ho Chi Minh City	85 m ²	48 years from August 31, 1998, to January 1, 2046
3	No. 105A Au Co Street, Tan Binh Ward, Ho Chi Minh City	972 m ²	48 years from August 31, 1998, to January 1, 2046
4	No. 203-205 Vo Thanh Trang Street, Bay Hien Ward, Ho Chi Minh City	317 m ²	48 years from August 31, 1998, to January 1, 2046
5	No. 11 Truong Chinh Street, Bay Hien Ward, Ho Chi Minh City	13,58 m ²	48 years from August 31, 1998, to January 1, 2046
6	No. 09 Truong Chinh Street, Bay Hien Ward, Ho Chi Minh City	16,68 m ²	48 years from August 31, 1998, to January 1, 2046
7	No. 927/8 Cach Mang Thang 8 Street, Tan Son Nhat Ward, Ho Chi Minh City	300 m ²	48 years from August 31, 1998, to January 1, 2046
8	No. 8 Dong Son Street, Tan Son Nhat Ward, Ho Chi Minh City	413 m ²	48 years from August 31, 1998, to January 1, 2046
9	Lot II-3, NCN2, Street No. 11, Tan Binh Industrial Park, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City	9.987 m ²	41 years from July 17, 2006, to June 17, 2047

c) Foreign currencies

	30/06/2025	01/01/2025
- USD	661.89	668.49

22 TOTAL REVENUE FROM SALES OF GOODS AND RENDERING OF SERVICES

	The first 6 months of 2025	The first 6 months of 2024
	VND	VND
Revenue from sale of goods	29,704,535,586	58,211,168,391
Revenue from real estate sales	-	2,152,240,481
Revenue from rental services	9,616,329,703	8,484,137,987
Revenue from other services	10,088,057,329	6,571,192,586
	<u>49,408,922,618</u>	<u>75,418,739,445</u>

TAN BINH CULTURE JOINT STOCK COMPANY

Lot II-3, Group CN 2, Street No. 11, Tan Binh
Industrial Park, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City

Interim Separate Financial statements

For the period from 01/01/2025 to 30/06/2025

23 . REVENUE DEDUCTIONS

	The first 6 months of 2025	The first 6 months of 2024
	VND	VND
Sales discounts	-	74,250,000
	-	74,250,000

24 . COSTS OF GOODS SOLD

	The first 6 months of 2025	The first 6 months of 2024
	VND	VND
Costs of finished goods sold	29,177,098,880	55,702,043,248
Cost of real estate sales	-	2,690,358,106
Cost of rental services	7,157,581,926	5,846,775,477
Cost of other services	7,486,113,285	3,995,747,109
	43,820,794,091	68,234,923,940

25 . FINANCE INCOME

	The first 6 months of 2025	The first 6 months of 2024
	VND	VND
Interest income, interest from loans	1,548,622,005	3,788,182,489
Dividends or profits received	494,338,016	485,921,600
Gain on exchange difference in the period	-	42,947,894
	2,042,960,021	4,317,051,983

26 . FINANCIAL EXPENSES

	The first 6 months of 2025	The first 6 months of 2024
	VND	VND
Interest expenses	75,989,335	32,220,665
Payment discount, interest from installment sales	81,222,007	47,457,828
Loss on exchange difference in the period	-	9,149,721
Provision for diminution in value of trading securities and impairment loss from investment	(402,806,934)	5,832,690,491
	(245,595,592)	5,921,518,705

27 . SELLING EXPENSES

	The first 6 months of 2025	The first 6 months of 2024
	VND	VND
Expenses from external services	697,762,101	829,320,491
Other expenses by cash	108,535,973	-
	806,298,074	829,320,491

TAN BINH CULTURE JOINT STOCK COMPANY

Lot II-3, Group CN 2, Street No. 11, Tan Binh
Industrial Park, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City

Interim Separate Financial statements

For the period from 01/01/2025 to 30/06/2025

28 . GENERAL ADMINISTRATIVE EXPENSES

	The first 6 months of 2025	The first 6 months of 2024
	VND	VND
Raw materials	44,101,652	36,059,923
Labour expenses	3,185,813,222	3,097,541,260
Depreciation and amortisation	1,750,980,480	1,806,563,816
Tax, Charge, Fee	14,897,382	43,945,554
Expenses from external services	334,221,801	428,083,511
Other expenses by cash	1,448,177,739	937,915,473
	<u>6,778,192,276</u>	<u>6,350,109,537</u>

29 . OTHER INCOME

	The first 6 months of 2025	The first 6 months of 2024
	VND	VND
Others	10,527,704	79,984,159
	<u>10,527,704</u>	<u>79,984,159</u>

30 . OTHER EXPENSE

	The first 6 months of 2025	The first 6 months of 2024
	VND	VND
Expenses from liquidation, disposal of fixed assets	48,585,862	-
Fines	-	10,539,920
Others	6,304,133	-
	<u>54,889,995</u>	<u>10,539,920</u>

31 . CURRENT CORPORATE INCOME TAX EXPENSES

	The first 6 months of 2025	The first 6 months of 2024
	VND	VND
<i>Corporate income tax from main business activities</i>		
Total profit before tax	247,831,499	(1,604,887,006)
Increase	62,832,128	10,539,920
- <i>Ineligible expenses</i>	62,832,128	10,539,920
Decrease	(451,200,000)	(485,921,600)
- <i>Dividend payment</i>	(451,200,000)	(485,921,600)
Taxable income	(140,536,373)	(2,080,268,686)
Current corporate income tax expense (Tax rate 20%)	<u>-</u>	<u>-</u>
Tax payable at the beginning of period	148,775,918	801,268,283
Tax paid in the period	(161,637,990)	(814,130,355)
Closing period income tax payable	<u>(12,862,072)</u>	<u>(12,862,072)</u>

TAN BINH CULTURE JOINT STOCK COMPANY

Lot II-3, Group CN 2, Street No. 11, Tan Binh
Industrial Park, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City

Interim Separate Financial statements
For the period from 01/01/2025 to 30/06/2025

32 . BUSINESS AND PRODUCTIONS COST BY ITEMS

	The first 6 months of 2025	The first 6 months of 2024
	VND	VND
Raw materials	533,086,707	580,552,951
Labour expenses	4,663,573,657	4,752,659,920
Depreciation and amortisation	2,556,857,357	2,299,644,883
Expenses from external services	5,668,869,655	4,824,436,382
Other expenses by cash	3,290,447,207	4,982,203,266
	<u>16,712,834,583</u>	<u>17,439,497,402</u>

33 . FINANCIAL INSTRUMENTS**Financial risk management**

The Company's financial risks including market risk, credit risk and liquidity risk.

The Company has developed its control system to ensure the reasonable balance between cost of incurred risks and cost of risk management. The Board of Management of the Company is responsible for monitoring the risk management process to ensure the appropriate balance between risk and risk control.

Market risk

The Company's business operations will bear the risks of changes on prices, exchange rates and interest rates.

Price Risk

The Company bears price risk of equity instruments from short-term and long-term investments in securities due to the uncertainty of future prices of the securities. As regards, long-term securities held for long-term strategies, at the end of the period, the Company has no plan to sell these investments.

	Under 1 year VND	From 1 to 5 years VND	Over 5 years VND	Total VND
As at 30/06/2025				
Short term investments	636,581,500	-	-	636,581,500
	<u>636,581,500</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>636,581,500</u>
As at 01/01/2025				
Short term investments	644,534,501	-	-	644,534,501
	<u>644,534,501</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>644,534,501</u>

Exchange rate risk:

The Company bears exchange rate risk when transactions are made in currencies other than Vietnam Dong such as: loans, revenues, expenses, imports of supplies, goods, machinery and equipment,...

Interest rate risk:

TAN BINH CULTURE JOINT STOCK COMPANY

Lot II-3, Group CN 2, Street No. 11, Tan Binh
Industrial Park, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City

Interim Separate Financial statements
For the period from 01/01/2025 to 30/06/2025

The Company bears the risk of interest rates due to the fluctuation in fair value of future cash flow of a financial instrument in line with changes in market interest rates if the Company has time or demand deposits, borrowings and debts subject to floating interest rates. The Company manages interest rate risk by analyzing the market competition situation to obtain interest beneficial for its operation purpose.

Credit Risk

Credit risk is the risk of financial loss to the Company if a counterparty fails to perform its contractual obligations. The Company has credit risk from operating activities (mainly to trade receivables) and financial activities (including deposits, loans and other financial instruments).

	Under 1 year VND	From 1 to 5 years VND	Over 5 years VND	Total VND
As at 30/06/2025				
Cash and cash equivalents	5,465,165,608	-	-	5,465,165,608
Trade receivables, other receivables	28,980,208,710	1,000,000	-	28,981,208,710
Loans	7,050,000,000	24,200,000,000	-	31,250,000,000
	<u>41,495,374,318</u>	<u>24,201,000,000</u>	<u>-</u>	<u>65,696,374,318</u>
As at 01/01/2025				
Cash and cash equivalents	3,633,722,435	-	-	3,633,722,435
Trade receivables, other receivables	45,548,620,401	1,000,000	-	45,549,620,401
Loans	9,960,000,000	24,700,000,000	-	34,660,000,000
	<u>59,142,342,836</u>	<u>24,701,000,000</u>	<u>-</u>	<u>83,843,342,836</u>

Liquidity Risk

Liquidity risk is the risk that the Company has trouble in settlement of its financial obligations due to the lack of funds. Liquidity risk of the Company mainly arises from different maturity of its financial assets and liabilities.

Due date for payment of financial liabilities based on expected payment under the contracts (based on cash flow of the original debts) as follows:

	Under 1 year VND	From 1 to 5 years VND	Over 5 years VND	Total VND
As at 30/06/2025				
Borrowings and debts	1,456,083,454	-	-	1,456,083,454
Trade payables, other payables	12,251,291,055	-	-	12,251,291,055
	<u>13,707,374,509</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>13,707,374,509</u>
As at 01/01/2025				
Borrowings and debts	4,474,203,454	-	-	4,474,203,454
Trade payables, other payables	26,887,329,063	-	-	26,887,329,063
	<u>31,361,532,517</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>31,361,532,517</u>

TAN BINH CULTURE JOINT STOCK COMPANY

Lot II-3, Group CN 2, Street No. 11, Tan Binh
Industrial Park, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City

Interim Separate Financial statements

For the period from 01/01/2025 to 30/06/2025

The Company believes that risk level of loan repayment is controllable. The Company has the ability to pay due debts from cash flows from its operating activities and cash received from mature financial assets.

34 . SUBSEQUENT EVENTS AFTER THE REPORTING PERIOD

There have been no significant events occurring after the reporting period, which would require adjustments or disclosures to be made in the Interim Separate Financial statements.

35 . SEGMENT REPORTING**a) Under business fields**

	Manufacturing and Trading Activities	Service activities	Grant total
	VND	VND	VND
Net revenue from external sales	29,704,535,586	19,704,387,032	49,408,922,618
Direct departmental expenses	29,177,098,880	14,643,695,211	43,820,794,091
Profit from business activities	527,436,706	5,060,691,821	5,588,128,527
The total cost of acquisition of fixed assets	-	1,283,337,000	1,283,337,000
Direct segment assets	105,277,649,053	69,835,515,077	175,113,164,130
Unallocated assets			39,823,256,442
Total assets	105,277,649,053	69,835,515,077	214,936,420,572
Direct segment liabilities	9,950,337,398	4,993,975,196	14,944,312,594
Unallocated liabilities			700,368,775
Total liabilities	9,950,337,398	4,993,975,196	15,644,681,369

b) Under geographical areas

Since all of the Company's business activities are conducted within Vietnam, it does not prepare or disclose segment reports by geographic area.

36 . COMPARATIVE FIGURES

The comparative figures on the Interim Separate Statement of Financial Position and corresponding Notes are taken from the Separate Financial Statements for the fiscal year ended as at 31 December 2024, which was audited by AASC Auditing Firm Company Limited. The comparative figures on the Interim Separate Statement of income, Interim Separate Statement of Cash flows and corresponding Notes are taken from the Interim Separate Financial Statements which have been reviewed for the period from 01/01/2024 to 30/06/2024.



Nguyen Thi Ngoc Duyen
Preparer

Ho Chi Minh City, August 28, 2025



Nguyen Thi Ngoc Duyen
Chief Accountant



Hoang Minh Anh Tu
General Director



Công ty Cổ Phần Văn Hoá Tân Bình
Tan Binh culture Joint Stock Company

Số : 33/2025/VB-ALT

No : 33/2025/VB-ALT

*V/v : Công bố Báo cáo tài chính giữa niên độ
đã được soát xét
Disclosure of
the Reviewed Interim Financial Statements*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

TP.HCM, ngày 28 tháng 08 năm 2025

Ho Chi Minh City, August 28th, 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN **DISCLOSURE OF INFORMATION**

Kính gửi/To: - **ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC / STATE
SECURITIES COMMISSION**
- **SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI / HA NOI
STOCK EXCHANGE**

1. Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**
Name of organization: TAN BINH CULTURE JOINT STOCK COMPANY
2. Mã chứng khoán niêm yết/Ticker symbol: **ALT**
3. Địa chỉ: Lô II-3, Nhóm CN II, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Address: Lot II-3, Group CN2, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist, Ho Chi Minh City, VietNam
4. Điện thoại/tel: 028. 3816 2884 - Web: <https://alta.com.vn/>
5. Người thực hiện công bố thông tin/Person making information disclosure: Ông/Mr: **Hoàng Minh Anh Tú** - Chức vụ/Position: **Tổng Giám đốc/Chief Executive Officer**
6. Nội dung công bố / Contents of information disclosure :

Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2025
Contents of disclosure: The reviewed interim Separate financial statements and reviewed interim Consolidated financial statements for the 6-month period ended 30 June 2025.
7. Địa chỉ website đăng toàn bộ thông tin công bố tại đường dẫn <https://alta.com.vn/>.
Website address for full information disclosure publication



Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby certify that the information disclosed above is true and accurate, and we take full responsibility before the law for the contents of the disclosed information.

Tài liệu đính kèm (Attached documents)

- BCTC riêng giữa niên độ đã được soát xét; *Reviewed interim Separate financial statements;*
- BCTC hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét; *Reviewed interim Consolidated financial statements;*
- Giải trình LNST 6 tháng đầu năm 2025 sau soát xét; *Explanation of Reviewed net profit after tax for the first half of 2025*

TỔNG GIÁM ĐỐC
CHIEF EXECUTIVE OFFICER



HOÀNG MINH ANH TÚ
Tổng Giám Đốc



**CÔNG TY
CỔ PHẦN
VĂN HÓA
TÂN
BÌNH**

Digitally signed by CÔNG
TY CỔ PHẦN VĂN HÓA
TÂN BÌNH
DN: C=VN, L=TPHCM,
CN=CÔNG TY CỔ PHẦN
VĂN HÓA TÂN BÌNH,
OID.0.9.2342.19200300.1
00.1.1=MST:0301420079
Reason: I am the author
of this document
Location:
Date: 2025.08.28
14:45:38+07'00'
Foxit PDF Reader
Version: 12.1.3



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số : 34/2025/VB-ALT

No : 34/2025/VB-ALT

V/v: Giải trình lợi nhuận sau thuế
6 tháng đầu năm 2025 sau soát xét

V/v : Explanation of Reviewed net profit after tax
for the first half of 2025

TP.HCM, ngày 28 tháng 08 năm 2025

Ho Chi Minh City, August 28th, 2025

Kính gửi / To : Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội/Ha Noi Stock Exchange

1. Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Name of organization: TAN BINH CULTURE JOINT STOCK COMPANY

2. Mã chứng khoán niêm yết/Ticker symbol: ALT

3. Nội dung giải trình / Explanation content: Lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2025 sau soát xét Công ty mẹ tăng 248 triệu đồng so với cùng kỳ năm trước là do/Audited profit after tax of Reviewed interim Separate financial statements in the first 6 months of 2025 increased by VND 248 million compared to the same period last year due to:

ĐVT: Triệu đồng/ Million dong

Chỉ tiêu/Item	6T2025	6T2024	Chênh lệch/Difference	
			Giá trị/Value	Tỷ lệ thay đổi/Rate of change
1- Tổng doanh thu và thu nhập/Total revenue and income	51.486	79.742	-28.255	-35%
2- Tổng chi phí (bao gồm cả thuế TNDN)/Total expenses (including corporate income tax)	51.238	81.346	-30.108	-37%
3- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp/Profit after corporate income tax	248	(1.605)	1.853	115%

Nguyên nhân chủ yếu là do/The main reason is due to:

Tổng doanh thu và thu nhập giảm 28.255 triệu đồng (giảm tương ứng 35%), tuy nhiên tổng chi phí giảm 30.108 triệu đồng (giảm tương ứng 37%), dẫn đến lợi nhuận sau thuế tăng 1.853 triệu đồng (tăng tương ứng 115%).

Total revenue and income decreased by VND 28,255 million (a corresponding decrease of 35%); however, total expenses declined by VND 30,108 million (a corresponding decrease of 37%), resulting in an increase in after-tax profit of VND 1.853 million (a corresponding increase of 115%).

Trên đây là giải trình của Công ty ALTA chúng tôi.

The above is the official explanation from ALTA Company.

Xin trân trọng kính chào.

Sincerely.

TỔNG GIÁM ĐỐC
CHIEF EXECUTIVE OFFICER



HOÀNG MINH ANH TÚ

CÔNG
TY CỔ
PHẦN
VĂN
HÓA TÂN
BÌNH

Digitally signed by CÔNG
TY CỔ PHẦN VĂN HÓA
TÂN BÌNH
DN: C=VN, L=TPHCM,
CN=CÔNG TY CỔ PHẦN
VĂN HÓA TÂN BÌNH,
OID.0.9.2342.19200300.1
00.1.1=MST:0301420079
Reason: I am the author
of this document
Location:
Date: 2025.08.28
14:53:53+07'00'
Foxit PDF Reader
Version: 12.1.3